



79 MÙA XUÂN Hồ Chí Minh

BÁ NGỌC



Nhà xuất bản Nghệ An

79 mùa xuân
HỒ CHÍ MINH

BÁ NGỌC

79 mùa xuân
HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

Cùng bạn đọc

Kể từ năm 1987, khi cuốn sách Chủ tịch Hồ Chí Minh tiểu sử và sự nghiệp tái bản lần thứ bảy cho đến nay đã được 14 năm. Có lẽ đây là thời kỳ nghiên cứu về thân thế sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh được sự quan tâm rất lớn của các nhà khoa học và đã thu được những kết quả mỹ mãn. Nhiều công trình cấp quốc gia được triển khai, thu hút nhiều nhà khoa học đầu ngành tham gia. Đặc biệt đã khai thác được khối lượng lớn tài liệu lưu trữ trong và ngoài nước. Đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề mà trước đây chưa làm được. Do đó đã đóng góp bổ sung nhiều sự kiện, nhiều luận điểm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng từ 14 năm trở lại đây, chưa có một cuốn tiểu sử khoa học nào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, do vậy, các nhà nghiên cứu về thân thế, sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt các trường

học vẫn phải dùng cuốn sách tái bản từ năm 1987 với những tư liệu chưa thật đầy đủ.

*Xét thấy rất cần thiết có một cuốn sách mới, bổ sung thêm những thành tựu nghiên cứu mới mà các nhà khoa học mấy năm qua đã đạt được để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, tìm hiểu thân thế sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tác giả cuốn sách **79 mùa xuân Hồ Chí Minh**, đã tập hợp lại một cách có hệ thống theo thời gian các sự kiện trong cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng nhu cầu của bạn đọc, nhất là các bạn đọc trẻ tuổi.*

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình sưu tầm, biên soạn nhưng vẫn không tránh khỏi thiếu sót, mong được bạn đọc góp ý để lần tái bản sau sẽ hoàn thiện hơn.

Hy vọng cuốn sách này sẽ mang đến cho bạn đọc nhiều điều thú vị và bổ ích.

TÁC GIẢ

1. NHỮNG NĂM THÁNG TUỔI TRẺ

Bác Hồ sinh ra ở quê ngoại, làng Hoàng Trù vào ngày 19 tháng 5 năm 1890⁽¹⁾. Tên gọi lúc mới sinh là Công, thường gọi là Cung. Quê nội là Kim Liên, tên Nôm là làng Sen. Quê ngoại, quê nội cách nhau cánh đồng. Nơi đây gần bên bờ sông Lam, màu xanh tươi tốt quanh năm. Quê Bác, cũng như bao làng quê Việt Nam, những mái tranh ẩn mình dưới bóng tre làng, âm vang những lời ca, tiếng hát vượt lên nghèo khó.

Quê nghèo nuôi những danh nhân, mảnh đất “địa linh nhân kiệt” đời này qua đời khác. Con người trưởng thành, bước ra từ câu ca dao, điệu ví dặm...

*Làng Sen đóng khố thay quân
Ít cơm, nhiều cháo tảo tần quanh năm...*

(1) Về ngày sinh của Hồ Chí Minh có nhiều tư liệu ghi khác nhau. Ở đây chúng tôi dùng theo tài liệu đã được công bố chính thức.

*Thanh Chương là đất cày bừa**Nam Đàn dệt vải, hát hò thâu canh...*

Nguyễn Sinh Cung từ tuổi ấu thơ, được đắm mình trong làn điệu dân ca quê nhà. Người lớn lên, tâm hồn mang dấu ấn văn hóa bản sắc quê hương. Những đêm trăng sáng nghe hát phường vải, những buổi trưa hè cùng bạn bè trang lứa bày trò trện giả, câu cá, hái sen. Trước cổng làng có lò rèn Cổ Điền, nơi tụ tập của lũ trẻ làng Sen. Cạnh đó là giếng nước trong cung cấp nước uống cho cả làng. Đã có thời giếng làng là nơi cất giấu binh khí của nghĩa quân Cần Vương. Những câu chuyện thực xen lẫn thần thoại toát lên chí khí bất khuất của dân làng đánh giặc. Dưới luỹ tre làng Sen, những con người chịu thương chịu khó, cần mẫn lao động làm ra hạt lúa, củ khoai, vất vả trăm lần trước thiên tai địch họa. Con người trong tình cảnh đó càng thương yêu nhau hơn, sống thủy chung với nhau hơn. Tình người lấy đạo lý kính trên nhường dưới làm trọng. Sự giao thoa tâm hồn nhạy cảm với lối sống hiền hòa tình người đã tạo nên một bản sắc, một tố chất trội của một quê hương. Người ta lấy ý chí, nghị lực như một thứ tôn giáo để vươn tới,

hoàn thiện mình. Đặc biệt hướng tới quyết chiếm lĩnh đỉnh cao trí tuệ. Sự học như một nghề, quan tâm, lo lắng, hăng diện, tự hào từ sự thành đạt của nghiệp đèn sách. Văn hóa đỉnh cao khi con người trên mảnh đất này xác định tư tưởng tự chủ, bất hợp tác với kẻ xâm lược, quyết đấu tranh bảo vệ quê hương. Từ đó sản sinh ra nhiều sĩ phu yêu nước, tác động hình thành tư tưởng yêu nước của Nguyễn Sinh Cung.

Thân phụ Bác Hồ là ông Nguyễn Sinh Sắc, vì hoàn cảnh gia đình sớm mồ côi cha mẹ, nên phải sống với người anh cùng cha khác mẹ. Lao động vất vả từ tấm bé nhưng cậu bé Sắc nuôi chí học hành. Nhờ đức tính chăm làm, chăm học, lại sáng dạ, được ông đồ nho Hoàng Xuân Đường ở làng Hoàng Trù quý mến và xin đem về nhà mình nuôi ăn học. Vốn có đức tính ham học, thông minh, được người thầy - người cha nuôi dạy chữ, dạy người, Nguyễn Sinh Sắc tiến bộ nhanh chóng, nổi tiếng cả vùng. Gia đình ông Đường có cô con gái đầu lòng - cô Loan, vừa xinh lại thùy mị, nết na. Trai tài, gái sắc bén duyên thành đôi lứa để cho ra đời một nhân tài kiệt xuất cho dân tộc - lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Từ mái tranh nghèo trong khuôn viên gia đình nhà nho Hoàng Xuân Đường, bà Loan lo toan việc ruộng vườn và làm thêm nghề dệt vải để có thêm tiền nuôi chồng ăn học. Ông Sắc ngày đêm cần mẫn “mài dùi kinh sử” để mong có ngày đỗ đạt khỏi phụ công thầy dạy dỗ, phụ công vợ lam làm. Từ nơi tổ ấm đó ba chị em cất tiếng chào đời, chị Thanh, anh Khiêm rồi đến cậu Cung. Cả ba chị em lớn lên đều chịu ảnh hưởng của đức giàu lòng vị tha, cần mẫn, thủy chung của người mẹ và ý chí kiên cường, quả cảm, thông minh của người cha. Thế giới tuổi thơ của ba chị em gắn bó bên cha mẹ, bên ông bà ngoại, dì An trong tình thương yêu đùm bọc gia đình, bà con, làng xóm quê hương. Những tình cảm đó nảy nở lên tình yêu Tổ quốc, để rồi sau này cả ba người đều hy sinh tình nhà vì đất nước, dân tộc.

Sau khi thi đậu cử nhân ở Nghệ An, ông Sắc lên đường vào Huế, quyết chí học hành và thi cao hơn. Để có điều kiện học tập, ông phải đem vợ và hai con trai vào Huế. Bà Loan ngày đêm cần mẫn dệt vải, ông Sắc tranh thủ thời giờ rỗi, đi chép chữ thuê, dạy học để có thêm thu nhập giúp vợ

và nuôi dạy hai con. Thời gian vào Huế cùng gia đình, cậu bé Cung như được mở rộng chân trời mới, được học nhiều điều mới lạ, được giao lưu với bạn bè nơi kinh đô.

Tuy vất vả về kinh tế, nhưng gia đình trải qua những năm tháng đầm ấm, hạnh phúc ở kinh đô Huế. Nhờ có người giới thiệu, ông Sắc về dạy học ở cách Huế sáu kilômét tại làng Dương Nỗ. Cậu Cung cùng anh Khiêm về sống cùng cha ở làng Dương Nỗ. Hai anh em được cha dạy chữ Hán, lúc đầu tập viết chữ bằng cuốn sách tập đồ hàng tư. Mỗi trang có bốn hàng chữ to. Trang sách in màu đen, chữ trắng. Học trò dùng bút lông cẩn thận đồ từng chữ. Phải đồ sao cho đưa nét nào chính xác vào nét trắng thì mới đạt. Nguyễn Sinh Cung cẩn mẫn, cẩn thận và siêng năng học nên so với anh và bạn bè tiến bộ vượt bậc.

Năm 1900, ông Sắc đưa anh Khiêm đi coi thi ở Thanh Hóa. Cậu Cung về ở với mẹ trong nội thành Huế. Bà Loan đến kỳ sinh nở. Người con thứ tư trong gia đình ra đời. Mấy tháng sau, gần Tết Canh Tý, bà Loan lâm bệnh nặng. Mặc dầu được bà con láng giềng hết lòng săn sóc, cứu chữa, nhưng vì bệnh quá nặng bà không qua

khỏi. Lên 10 tuổi, Nguyễn Sinh Cung phải chịu nỗi đau mất mát quá lớn. Tết năm đó một mình bé bỏng trong tang thương hương khói, hoa huệ trên bàn thờ, trên mộ mẹ, ấn tượng đó khắc sâu tâm khảm Người suốt cuộc đời.

Vợ mất, tình cảnh “gà trống nuôi con” khó khăn trăm bề. Ông Sắc quyết định đưa các con về quê. Bé Xin - người con thứ tư trong gia đình, vì thiếu sữa mẹ, mắc bệnh nặng ít lâu sau cũng qua đời.

Được bà ngoại, dì An giúp đỡ nên việc nuôi dạy các con đỡ vất vả, bởi vậy ông Sắc có điều kiện học tiếp. Được bạn bè, gia đình khích lệ, ông Sắc với tên mới là Nguyễn Sinh Huy vào Huế tham gia kỳ thi Hội năm 1901. Khoa thi năm đó ông đỗ Phó bảng cùng với Phan Chu Trinh.

Vinh dự lớn đến với làng Kim Liên - quê nội. Theo tục lệ dân làng dành đất công, quỹ làng làm một ngôi nhà mới năm gian để rước gia đình ông Huy về làng. Ba con cùng cha về lại làng Sen. Trong buổi làm lễ tại làng, Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung lấy tên mới là Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành.

Làng Sen tuy là quê nội, nhưng lúc mới về ở còn xa lạ với Tất Thành. Nơi tổ ấm có bà ngoại, có dì An, sao mà thân thương gần gũi với cậu. Nhưng dần dần tình người và phong cảnh làng Sen cảm hóa tuổi thơ cậu. Nơi có giếng Cốc, ao Sen, lò rèn Cổ Điền, núi Chung và những câu chuyện truyền miệng về đất “địa linh nhân kiệt” và những câu ca dao, điệu ví dặm thâm nhập dần trong trái tim tuổi thơ của cậu. Đặc biệt in sâu là những câu chuyện của các lão làng tham gia đánh Pháp trong đội quân của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám. Số phận của người dân cùng khổ vì lầm thứ thuế bất công, dồn họ vào con đường đi phu lên chốn khốn khổ Cửa Rào, mà ngày đi - cũng là ngày mà người thân lấy làm ngày giỗ:

Ai đi đến chốn Cửa Rào

Nhớ đem chiếc chiếu bó vào trái ra...

Nguyễn Tất Thành được cha gửi sang học chữ ở thầy Quý - một thầy giáo có tư tưởng tiến bộ. Những tâm tư phản kháng chế độ thực dân phong kiến của thầy dần dần ảnh hưởng đến tư tưởng yêu nước thương dân của Nguyễn Tất Thành. Cách nhà khoảng bốn kilômét có ông Phan Bội

Châu thường hay gặp và đàm đạo thời cuộc với Phó bảng Huy. Những lần đó Nguyễn Tất Thành thường được hầu thuốc, nước và lắng nghe tâm tư của các cụ. Với tư cách phóng khoáng, thích ngao du, trao đổi suy nghĩ với bạn bè là những sĩ phu yêu nước, Nguyễn Sinh Huy thường đưa Nguyễn Tất Thành đến nhiều nơi trong tỉnh, ngoài tỉnh. Những chuyến đi ấy không những nâng cao trình độ hiểu biết chữ nghĩa mà còn là điều kiện tốt để Tất Thành hiểu sâu rộng hơn, tầm nhìn xa hơn, càng thông cảm sâu sắc hơn nỗi cực khổ của người dân lao động, nỗi nhục mất nước của các sĩ phu. Anh thấy ở đâu người dân mất nước cũng cực khổ trăm đường. Từ đó hình thành tư tưởng và chí đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng đồng bào.

Lên 15 tuổi, cũng là dịp ở Vinh mở lớp tiểu học Pháp - Việt, chương trình dạy học bằng tiếng Pháp, một ít chữ Hán. Ông Huy có ý định mong muốn con trưởng thành nhiều hơn, nên gửi Nguyễn Tất Thành vào trường Vinh. Phía trên bục giảng có ba chữ Pháp "Tự do - Bình đẳng - Bác ái". Được biết đó là tư tưởng chính của cuộc Đại cách mạng Pháp năm 1789.

Tuy chưa hiểu biết ý nghĩa của những từ đó, nhưng đã mở ra trong anh một tầm nhìn rộng lớn, những thôi thúc ham muốn hiểu biết về một thế giới phương Tây mới mẻ. Những điều xưa nay trong sách Thánh hiền của chữ Hán chưa dạy bao giờ. Học được một thời gian ngắn, vì cha phải vào Huế nhận chức Thừa biện Bộ Lễ (phụ trách việc trường lớp) nên Tất Thành theo cha vào học trường tiểu học Đông Ba. Tuy làm quan trong triều nhưng mỗi lần xuống với các môn đồ ở các trường, ông Huy thường bày tỏ tâm tư của một ông quan bù nhìn “Quan trường thị nô lệ, trung chi nô lệ, hữu nô lệ” (nghĩa là: Làm quan là nô lệ, trong đám nô lệ lại càng nô lệ hơn) - hơn ai hết tư tưởng đó ảnh hưởng tới Tất Thành nhiều hơn.

Là con quan triều đình do đó khóa học 1907 - 1908 Tất Thành được tuyển vào học Trường Quốc học Huế - là một trường đặc biệt, phần lớn dành cho các công tử hoàng thân, các ấm tử con quan hoặc một số ít những tài năng xuất chúng được lựa chọn ở các tỉnh. Lần thứ hai vào Huế, tầm nhìn của Nguyễn Tất Thành được mở mang rất nhiều. Nhờ những năm tháng theo cha

rong ruổi chữ nghĩa, giao lưu với những luồng tư tưởng yêu nước thương dân, nên lần này vào Huế học tại trường “Thế gia vọng tộc” - Tất Thành mang một bản lĩnh mới, một tầm nhìn sâu hơn về xã hội, con người, nơi chốn phù dung kinh đô với những bà Đầm, ông Tây nghênh ngang trước thái độ khúm núm của mấy ông quan khăn xếp áo the.

Hòa vào không khí cải cách mới (cắt tóc ngắn của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu) và những cuộc đấu tranh chống sưu cao thuế nặng của nông dân tỉnh Thừa Thiên, Nguyễn Tất Thành vốn tiếng Pháp “nói thông, viết thạo” đã tích cực tham gia và giúp đỡ phong trào. Do đó mật thám Pháp đã ghi sổ đen và đã có “Tráp” khiển trách quan Nguyễn Sinh Huy có người con chống đối triều đình. Đó cũng là cái cớ mà triều đình Huế muốn tách ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy ra khỏi kinh đô, sợ rằng tại trung tâm chính trị Huế sẽ ảnh hưởng tư tưởng chống đối của cả hai cha con ông Huy và cậu học trò Nguyễn Tất Thành. Năm 1909 ở huyện Bình Khê (Bình Định) khuyết chân tri huyện, triều đình Huế liền khẩn trương

bổ nhiệm ông Huy vào chân đó. Nguyễn Tất Thành phải theo phụ thân vào Bình Định. Ông Huy gửi Tất Thành vào học trường Tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn. Nhận chức tri huyện chưa được bao lâu, vốn có tư tưởng yêu nước thương dân, căm ghét bọn quan lại đục khoét của dân, ông luôn lên tiếng bênh vực người dân thấp hèn, ông bị “triệt hồi” chức tri huyện, phải về kinh đô Huế nhận án. Nguyễn Tất Thành được người thầy Phạm Ngọc Thọ giúp đỡ nên đã học xong chương trình tiểu học, anh không trở lại Huế mà đi tiếp vào Nam đến Phan Thiết dạy học tại trường Dục Thanh. Dục Thanh tên gọi của trường đã chứa hàm ý giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ. Sống trong môi trường mới, từ người học sinh thành người dạy học, Nguyễn Tất Thành đã có bước trưởng thành nhảy vọt. Trên bục giảng tiếng nói của thầy luôn luôn thu hút sự lắng nghe của học trò. Thầy giáo Thành hết lòng truyền đạt không chỉ tri thức mà còn là tư tưởng tiến bộ - hơi thở của thời đại vào những tâm hồn tuổi thơ, gieo vào tâm trí thế hệ tương lai đất nước một nỗi niềm suy tư về vận mệnh đất nước. Thầy Thành không chỉ là thầy giáo mà còn là

người dẫn đường tuổi trẻ hướng tới tương lai bằng ý chí tự chủ. Thầy là tấm gương sáng về tự học. Thời gian rỗi thầy thường đọc sách tại Ngọa Du Sào - một thư viện có nhiều sách hay. Thầy sống hòa đồng với học sinh. Những ngày nghỉ thầy thường tổ chức cùng các em đi tham quan để bổ sung thêm kiến thức xã hội. Thầy còn là người bạn tin cậy, luôn giúp đỡ các em, không quát mắng mà chỉ ôn tồn khuyên bảo khi các em có khuyết điểm, khuyến khích các em khi có bước tiến bộ. Thầy hòa đồng với lối sống của nhân dân lao động. Thường lui tới xóm chài lưới, học hỏi ngư dân nhiều điều hay trong tự nhiên, xã hội. Ai gặp thầy cũng đều có ấn tượng tốt đẹp. Tuy thầy Thành không xác định cho mình dừng chân nơi Phan Thiết lâu dài, song thầy vẫn sống và làm việc hết mình với những con người ở đây. Nơi đây đã gắn bó nhiều kỷ niệm đẹp đẽ của cuộc đời - đó là những cảm xúc được làm người dẫn dắt trí tuệ và tâm hồn thế hệ trẻ. Là bước khởi đầu của một sự nghiệp dẫn đường, chỉ lối cho cả dân tộc vào một thời đại mới.

Có lẽ những buổi bình minh ngồi trên bãi biển Phan Thiết phóng tầm mắt ra

khơi xa, thấy Thành như mơ về những chuyến đi xa, tới chân trời góc bể. Muốn nhìn ngọn núi cao thấp phải từ xa mới rõ được. Muốn hiểu hơn về tình trạng đất nước hiện tại phải có tầm nhìn thế giới xa hơn - ở những nơi đã sản sinh ra tư tưởng tiến bộ: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Ở đó đang chờ đợi vẫy gọi bầu nhiệt huyết của người thanh niên đầy dũng khí Nguyễn Tất Thành. Hướng về phương Nam, nơi có đô thị Sài Gòn, có cảng biển với những con tàu vượt đại dương và ý tưởng đó thôi thúc thầy giáo Thành tạm xếp bút nghiên vào Sài Gòn tìm phương hướng mới. Ra nước ngoài, một câu hỏi lớn của người đương thời, ai sẵn tiền thì dễ, còn đối với những người như Nguyễn Tất Thành thì quả là khó. Tiền đâu?

Đô thị Sài Gòn - nghịch cảnh đời sống xa hoa và những cuộc đời lam lũ, khổ khổ của người dân lao động như càng thôi thúc chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi để “xem nước Pháp và các nước khác họ làm thế nào, để khi về sẽ giúp đồng bào mình”. Từ một chàng trai thư sinh, có học vấn, con nhà quan triều đình chưa từng chịu đựng lam lũ, nhọc nhằn của lao động chân tay, nhưng vì lý tưởng, vì muốn

khám phá cái mới, vì tư tưởng yêu nước thương dân, trong người không đủ tiền đành quyết chí xuống làm phu phen phục dịch trên chiếc tàu biển Latuso Torevin với tên mới Văn Ba để được “xem người ta làm thế nào” và cũng là dịp tốt để rèn luyện mình trong lao động như bao thân phận của hàng triệu người dân nước Việt lúc đó. Hòa mình trong đời sống thợ thuyền - một cuộc thâm nhập thực tế lớn lao chưa từng thấy trong đời người lãnh tụ nhân dân.

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, được nhận vào làm phụ bếp trên tàu, người thanh niên Văn Ba bắt đầu cuộc hành trình tìm hiểu nền văn minh thế giới, tìm con đường cứu nước.

2. LÊNH ĐÊN CHÂN TRỜI GÓC BIỂN

Cuộc hành trình 30 năm ròng, đi qua 28 quốc gia, làm nên sự nghiệp lớn, xuất phát từ một anh phụ bếp Văn Ba trên một chiếc tàu vận tải hàng hóa. Những ngày khó khăn cực nhọc đầu tiên trên tàu. Môi trường lao động khốn khổ, trong bếp thì

nóng, dưới hầm thì lạnh, anh phải lao động từ sáng sớm lúc 4 giờ, quét dọn, đốt lò, lấy than, xuống hầm khiêng thực phẩm nấu bếp, lao động quần quật từ sáng đến tối, ít có thời gian rảnh rỗi. Khó nhất là lúc đầu chưa quen lao động chân tay nặng nhọc và môi trường lênh đênh trên sóng biển. Nhiều lúc tưởng chừng anh không qua nổi thử thách đầu tiên. Nhưng với ý chí kiên cường, càng gian khổ, khó khăn sức chịu đựng của anh càng thêm rắn rỏi, kiên cường. Công việc quen dần, nổi vất vả như lùi lại phía sau mỗi hải lý con tàu vượt qua.

Tuy lao động vất vả suốt ngày, suốt tháng không có ngày nghỉ nhưng ông chủ chỉ trả cho anh mỗi tháng không quá 50 phrăng, là thứ tiền công rẻ mạt nhất cho một lao động. Anh không nản lòng, chê trách, mà trái lại, với thái độ cởi mở, lễ phép với mọi người; từ người lao động đến những du khách thượng hạng đi trên tàu, ai cũng quý mến anh, sẵn sàng giúp đỡ mỗi lần anh muốn biết về một điều gì đó. Xong việc, anh tranh thủ học thêm hoặc đọc sách hay tự học ngoại ngữ. Có điều kiện gần gũi là anh đều tranh thủ học thêm được những điều gì mới lạ hay tập nói tiếng Pháp, để

vốn liếng và khả năng phát âm Pháp ngữ ngày một tốt hơn.

Tàu cập bến một số nước, anh Ba lên bờ, không phải như những người khác, bao nhiêu tiền dồn vào ăn chơi phung phí. Anh dành thời gian đi sâu tìm hiểu hiện trạng thực tế xã hội. Mỗi quốc gia mỗi vẻ khác nhau. Phong cảnh và con người rất đa dạng. Nhưng về xã hội thì đâu đâu cũng có người nghèo, người giàu, đâu cũng có các tệ nạn xã hội, đâu cũng có người tốt và kẻ xấu. Anh tiêu tiền hợp lý, chỉ sử dụng tiền khi cần thiết, còn dành một ít tiền gửi về giúp người cha ở nhà đang còn gặp nhiều khó khăn. Trên đất Pháp, anh viết thư gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp xin vào học trường Thuộc địa. Đây là trường không chỉ đào tạo học sinh sau này phục vụ chính sách cai trị của Pháp mà còn đào tạo một số nghề chuyên môn như điện báo, kế toán, xưởng trưởng... Anh ký tên Nguyễn Tất Thành, trong thư anh ghi: “Ý muốn trở thành có ích cho đồng bào tôi, muốn cho họ được hưởng những lợi ích của học thức”. Nhưng lời yêu cầu thiết tha đó không được chấp nhận. Một lần nữa anh xuống tàu tiếp tục cuộc hành trình qua những châu lục khác.

Trên chiếc tàu biển của hãng Ságior Rêmyni nước Pháp, Nguyễn Tất Thành bắt đầu chuyến hành trình qua các nước bên bờ biển châu Phi. Khi tàu cập bến, anh thường tranh thủ thời gian rồi lên thăm thành phố cảng, dạo ngắm phong cảnh châu Phi và tìm hiểu đời sống kinh tế, xã hội của lục địa “đen” này. Anh đã được chứng kiến nhiều cảnh đời đau xót. Thân phận của nô lệ da đen thật kinh khủng. Họ là người mà không được sống cuộc sống con người. Họ bị hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần, họ là thứ hàng hóa trao đổi mua bán giữa các ông chủ buôn người công khai được pháp luật thừa nhận. Bọn chủ xem tính mạng những người nô lệ da đen là thứ trò chơi tiêu khiển, là những đồ dùng khi cần thì sử dụng khi không cần thì vứt đi không tiếc. Trước những cảnh đời đau xót đó Nguyễn Tất Thành đã có lúc xúc động và khóc. Người đau nỗi đau chung của nhân loại cho thân phận người nô lệ, cho số phận của người dân Việt Nam bị áp bức, bị mất quyền tự do của con người.

Rời châu Phi, để lại nỗi buồn của những cảnh đời. Những băn khoăn suy tư về một câu hỏi lớn. Làm thế nào để trên thế giới bớt đi sự bất công?

Người đến châu Mỹ, đi qua Mactinich, Urugoay, Achentina, rồi lần đầu tiên đặt chân lên nước Mỹ, nơi anh thường được nghe về một *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng cả thế giới. Người muốn dừng chân trên đất Mỹ một thời gian để tìm hiểu bản chất của sự độc lập kiểu Mỹ như thế nào?

Nguyễn Tất Thành đến nhận một công việc làm thuê tại khu vực Brúclin (ngoại thành Niu Oóc). Anh thường lui tới khu vực Háclem, nơi ở của người nghèo, chủ yếu là người da đen. Tại đây anh được làm quen với các phong trào đấu tranh giai cấp: Từ những cuộc mít tinh đấu tranh với giới chủ, từ những cuộc quyên góp tiền gửi về giúp đỡ quê hương châu Phi. Có lần khi trả lời nhà báo A.Luy Xtơrông, Bác Hồ nhớ lại thời kỳ này: “Khi ấy tôi chưa hiểu lắm về chính trị, nhưng tôi cảm thấy họ đều là những người nghèo khổ đang mong muốn tự do. Họ có bao nhiêu tiền cũng bỏ ra trong lúc quyên góp, thế là tôi dốc cả tiền túi của mình ra góp vào đấy”.

Cuối năm 1913 Nguyễn Tất Thành rời nước Mỹ sang nước Anh. Thời kỳ đầu gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên phải tạm xin việc quét tuyết cho một trường học,

rồi chuyển sang làm nghề đốt lò. Tiền thu chẳng được bao nhiêu vừa đủ tiền thuê nhà, tiền học thêm tiếng Anh, còn lại chỉ đủ những bữa ăn thanh đạm. Sau đó nhờ có người giới thiệu, anh chuyển đến làm thuê ở khách sạn Căclơtơn. Ở đây có ông vua đầu bếp nổi tiếng Excôpphiê người Pháp. Anh Thành nhận việc rửa bát đĩa, xoong nồi, lao động chăm chỉ, tính tình cởi mở, đặc biệt rất có ý thức trong công việc. Mỗi lần phục vụ bữa tiệc lớn của những người giàu có, thức ăn thừa nhiều, anh Thành không vứt những thức ăn còn có thể dùng được, mà gói lại mang ra đường cho những người nghèo. Việc làm đó được ông Excôpphiê rất chú ý. Là người có tư tưởng tiến bộ nên ông rất quý anh và ông đã giúp anh cách làm bánh - một bí quyết nghề nghiệp. Có công việc mới anh Thành vừa đỡ vất vả lại có thời gian để học thêm tiếng Anh. Lúc này ở nước Anh đã hình thành một tổ chức gồm những người châu Á có tư tưởng tiến bộ, gọi là "Hội những người lao động hải ngoại". Anh Thành trở thành hội viên của Hội vì Hội này ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa trong đó có dân tộc Việt Nam.

Thời kỳ ở nước Anh, ngoài điều kiện thuận lợi cho anh học tiếng, điều kiện xã

hội và chính trị đương thời còn giúp anh hiểu biết nhiều về chế độ chính trị của xã hội tư bản, về đấu tranh giai cấp giữa công nhân và tư sản... Tuy điều kiện rất tốt song có điều những thông tin về quê hương quá ít, ở nước Pháp - nước đang trực tiếp đô hộ dân tộc mình sẽ có nhiều thông tin về quê hương. Hơn nữa, nhờ liên lạc được với cụ Phan Chu Trinh và một số người Việt Nam đang ở Pari, anh Thành càng hiểu hơn điều kiện thuận lợi khi mình có mặt ở Pari, do đó anh quyết định trở lại nước Pháp.

3. NHỮNG HOẠT ĐỘNG SÔI NỔI TRÊN ĐẤT PHÁP

* Đại chiến thế giới lần thứ Nhất đang ngày mở rộng và ngày một ác liệt. Cuối 1917 Nguyễn Tất Thành trở lại nước Pháp. Ở Pari chiến tranh đã gây nên bao khó khăn cho đời sống nhân dân. Giá cả tăng vọt, lương thực thực phẩm khan hiếm vì phải huy động cho chiến tranh. Đâu đâu cũng thấy bãi công, biểu tình của giai cấp công nhân phản đối chiến tranh phi nghĩa. Nước Pháp kiệt quệ vì chiến tranh cho nên chúng càng ra sức vơ vét nhân lực,

vật lực ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

Thời kỳ này cụ Phan Chu Trinh đang ở Pháp cũng rơi vào hoàn cảnh khó khăn chung. Cụ phải làm nghề ảnh để có thu nhập sinh sống. Thời kỳ mới đến Pari, nhờ sự quen biết trước nên cụ Phan đã giúp anh Thành làm nghề thợ ảnh. Để giảm bớt khó khăn chung, cụ Phan cùng đến ở nhà của Phan Văn Trường tại số 6 Vila đờ Gôbolanh, quận 13 Pari. Dần dần ngôi nhà này trở thành nơi hội tụ của người Việt Nam ở Pari. Thủ đô Pari là trung tâm chính trị xã hội không những của châu Âu mà còn của cả thế giới. Các đảng phái đại diện quyền lợi chính trị, kinh tế của giai cấp mình đua nhau thi thố làm cho không khí xã hội Pari càng thêm sôi động. Qua một thời gian theo dõi diễn biến chính trị xã hội ở Pháp và tích cực liên hệ với những người Pháp, người Việt có tư tưởng tiến bộ, đặc biệt anh nhận thấy trong nhiều đảng phái chính trị thì Đảng xã hội Pháp là Đảng tiến bộ - Giương cao ngọn cờ của cuộc Đại cách mạng tư sản Pháp - Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Do đó Nguyễn Tất Thành tự nguyện tham gia Đảng xã hội Pháp vào đầu năm 1919.

Chiến tranh kết thúc. Các nước thắng trận như Mỹ, Anh, Pháp... và một bên là các nước thua trận như Italia, Nhật... tổ chức Hội nghị Vécxay. Nhiều tổ chức chính trị tiến bộ gửi yêu sách, nguyện vọng đến Hội nghị. Những người Việt Nam ở Pháp có Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Tất Thành đã thảo luận thống nhất *Bản yêu sách tám điểm của những người yêu nước An Nam*, ký tên Nguyễn Ái Quốc và từ đó tên gọi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện. Nhờ nhạy cảm về chính trị và được sự chuẩn bị chu đáo, bản yêu sách đã được công bố công khai trên báo chí trước ngày khai mạc Hội nghị Vécxay. Do đó nghiêm nhiên đặt trước các nguyên thủ quốc gia tham gia Hội nghị cần phải có sự xem xét và nhất là công luận đã lên tiếng thì nhân dân Pháp và các lực lượng tiến bộ sẽ ủng hộ. Nội dung yêu sách nói lên nguyện vọng của các dân tộc nhược tiểu hy vọng những lời cam kết chính thức và quan trọng của các cường quốc về chế độ nhân đạo, công lý sẽ được thực hiện, những yêu sách này là những nguyện vọng chính đáng và nhu cầu tối thiểu cần được hưởng của một dân tộc, của một con người bình thường được sống trong thời đại.

Bản yêu sách được in rộng rãi thành truyền đơn bằng tiếng Pháp cho nhân dân Pháp đọc. Bản tiếng Việt dùng cho người Việt ở Pháp, và một số được đưa về trong nước gây sự tác động mạnh trong dư luận. Lần đầu tiên một con người dũng cảm dám đứng lên yêu cầu đòi quyền bình đẳng chính trị của nhân dân An Nam với tên vẻ vang Nguyễn, Người yêu nước.

Bản yêu sách của nhân dân An Nam được công luận lên tiếng là một đòn đánh vào bè lũ thực dân Pháp, chúng rất tức tối và lo sợ. Từ đó chúng luôn cho mật thám theo dõi sát mọi hành động của Nguyễn Ái Quốc và ngôi nhà số 6 Vila dờ Gôbôlanh. Chúng liền điều tra người có tên là Nguyễn Ái Quốc quê ở Nam Đàn.

Bản yêu sách như một tiếng nổ lớn làm rung chuyển hang ổ trùm thực dân. Nguyễn Ái Quốc càng ý thức sâu sắc hơn giá trị hoạt động báo chí. Từ đó Người ra sức học cách viết báo và học tiếng Pháp, vì ở giữa thủ đô Pari hoạt động báo chí có tiếng vang nhanh nhạy. Tập viết dần, lúc đầu là những mẫu tin chỉ ba đến bốn dòng rồi dần dần viết những mẫu tin ngắn. Khi đưa bài được đăng báo là nguồn vui khôn xiết đối với anh. Anh lấy bản in ở báo so

với bản mình viết so sánh xem được sửa chữa như thế nào để rút kinh nghiệm dần. Cứ thế từng ngày, từng tháng anh tiến bộ không ngừng. Từ viết được bài ngắn rồi dần dần viết dài. Anh lại tập rút ngắn lại cho gọn và súc tích, chặt chẽ. Với một niềm đam mê lớn, ngày đi làm, tối tối về cầm bút viết, học hành trao đổi những vấn đề thời sự chính trị. Đề tài chủ yếu những bài báo của Nguyễn Ái Quốc tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, lên án những thói đời giả dối của những kẻ đầu cơ chính trị, lừa phỉnh nhân dân, vạch trần bản chất của chủ nghĩa thực dân ở các nước nhược tiểu trong đó có Việt Nam. Từ những bài báo nhỏ, dần dần có những bài báo lớn gây tiếng vang trong dư luận, rồi anh được phụ trách chuyên mục trong tờ báo.

Một sự kiện chính trị lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đó là ngày 16 và ngày 17 tháng 7 năm 1920 trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp đăng bài “Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của V.I Lênin. Bản luận cương đã gây xúc động lớn đến Nguyễn Ái Quốc. Sau này Người nhớ lại: “Trong luận cương ấy có những chữ chính trị khó hiểu, nhưng cứ đọc đi, đọc lại nhiều lần, cuối

cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta!” Từ đó tôi hoàn toàn theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ Ba.

Thời kỳ này trên báo *Nhân đạo* đưa tin nhiều về hoạt động của Quốc tế Cộng sản, về Đảng Cộng sản Liên Xô... và tài liệu quan trọng khác. Nguyễn Ái Quốc dồn sức nghiên cứu những tài liệu quý báu đó. Nhận thức chính trị của Người ngày càng được nâng cao. Đặc biệt Người ý thức sâu sắc tư tưởng của Lênin, về cách mạng ở các nước thuộc địa.

Đại hội Tua nhóm họp từ ngày 25 tháng 12 năm 1920. Nguyễn Ái Quốc là đại biểu duy nhất của những người bản xứ có mặt tại Đại hội. Để đến được Đại hội an toàn, Nguyễn Ái Quốc phải được sự giúp đỡ của những người bạn Pháp, vì lúc này bọn mật thám rất chú ý “chăm sóc” kỹ Nguyễn Ái Quốc.

Buổi chiều ngày hôm sau, Nguyễn Ái Quốc được mời lên phát biểu, cả hội trường

đứng lên vỗ tay vui mừng và chăm chú lắng nghe: “Thưa các đồng chí, lẽ ra hôm nay tôi đến đây để cùng các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên Xã hội để phản đối tội ác ghê tởm gây ra trong quê hương tôi” và yêu cầu Đảng Xã hội phải có sự hoạt động thiết thực để ủng hộ những đồng bào bản xứ bị áp bức và phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội đến với nhân dân bản xứ. Tại Đại hội Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, tán thành cách mạng vô sản. Sau này Người nhớ lại sự kiện đó: “Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp mà tôi đã tìm thấy chân lý chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ trở thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa”. Điều đó chứng tỏ sự vận động nhận thức của Nguyễn Ái Quốc theo một lôgic phát triển từ thấp lên cao, từ phạm vi cục bộ đến phạm vi toàn cục. Sống giữa không khí chính trị, xã hội phức tạp của Pari, nhờ có được điều kiện đó và nhờ trí thông minh, nghị lực,

phẩm chất mẫu mực, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra đâu là cái đúng cái sai, đâu là lầm lẫn, đâu là chân lý.

Từ khi xuất hiện trên bầu trời chính trị Pari một ngôi sao sáng Nguyễn Ái Quốc, bè lũ dơi đêm mật thám hết sức lo sợ, ngày đêm theo dõi sát mọi động thái đi lại của anh. Chúng gây nhiều khó khăn, như can thiệp tới nơi ông chủ thuê anh làm việc. Do đó ngoài nghề thợ làm ảnh, anh phải làm thêm các nghề khác như làm đồ giả cổ, vẽ quạt, lọ hoa, chao đèn v.v... Để tiện cho công việc hoạt động chính trị, Nguyễn Ái Quốc quyết định chuyển sang ở tại ngôi nhà số 9 ngõ Công Poanh, là một căn phòng rộng 9 mét vuông ở góc hai trong hẻm sâu, phòng cũ kĩ, thiếu ánh sáng. Đồ dùng trong phòng chỉ có cái giường cá nhân bằng sắt, một chiếc bàn, chiếc ghế, cái tủ nhỏ và vài thứ cũ kỹ. Anh xin vào làm thuê ở hiệu ảnh gần đó. Anh được trả công mỗi tuần 40 phrăng. Sau đó một thời gian, do mật thám gây khó dễ cho ông chủ nên một lần nữa anh lại mất việc làm. Do đó kinh tế càng khó khăn thêm. Ăn uống phải tiết kiệm, cơm ăn với cá mắm, ít thịt, sáng ăn một nửa, còn để

chiều ăn. Có lúc chỉ một chiếc bánh mì với ít pho mát là thức ăn cả ngày của anh. Ăn uống kém nên sức khỏe giảm sút, gầy yếu, tưởng chừng bị ho lao, nhưng nhờ nghị lực rèn luyện anh vượt qua được khó khăn về sức khỏe, về kinh tế. Đam mê công việc hoạt động chính trị, quên cả ốm đau, thiếu thốn. Ngôi nhà số 9 ngõ Công Khanh là địa chỉ mới của những cuộc hẹn hò trao đổi chính trị giữa những người Việt Nam ở Pháp. Tuy vậy anh vẫn thỉnh thoảng đến ngôi nhà số 6 Vila dờ Gôbolanh để trao đổi chính trị, tình hình quê nhà và thăm sức khỏe ông Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường. Buổi sáng anh đi làm công, chiều về đi thư viện đọc sách, tham gia các hội nghị nói chuyện chính trị nhằm mở rộng kiến thức. Là một trong những người tích cực trao đổi thảo luận ở các lần dự mít tinh hoặc sinh hoạt chính trị, đặc biệt những lần sinh hoạt hoặc tham dự hội nghị, đại hội Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã thẳng thắn phê bình Đảng Cộng sản chưa quan tâm tới vấn đề thuộc địa. Nhờ những hoạt động tích cực đó mà Đảng Cộng sản Pháp mới có những động thái như thông qua ‘Lời kêu gọi những người bản xứ thuộc địa’ do

Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, vạch trần những chế độ hà khắc của chủ nghĩa thực dân đối với người bản xứ, phải chịu hai tầng áp bức - kêu gọi đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung. Trong cuộc đấu tranh của những người lao động bản xứ có sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp... Lời kêu gọi được Nguyễn Ái Quốc viết lại bằng tiếng Việt, in truyền đơn, bí mật gửi về Việt Nam, thức tỉnh phong trào cách mạng trong nước.

Ở Pari, trung tâm hoạt động chính trị văn hóa của thế giới, Nguyễn Ái Quốc, một trong những người tích cực hòa nhập vào không khí sôi sục đó. Người đã là thành viên Câu lạc bộ Phôbua, tham gia Hội Nghệ thuật và Khoa học, Hội những người bạn của nghệ thuật, Hội du lịch v.v... Đặc biệt Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng vũ khí sắc bén báo chí để nói hết được những ý nghĩ, tư tưởng và tình cảm của mình trên những lĩnh vực chính trị, xã hội. Thời kỳ hoạt động báo chí ở Pháp, Người đã viết trên 60 bài báo về nhiều chủ đề khác nhau, rất phong phú, đa dạng, sâu sắc với một thứ văn phong trong sáng, dễ hiểu, rất gần gũi với giai cấp lao động, những người học thức cũng tâm đắc, những người ít

học cũng cảm thấy thêm được nhiều, hiểu biết trưởng thành. Hoạt động viết báo của Nguyễn Ái Quốc đa dạng trên nhiều vấn đề: tố cáo, lên án chế độ hà khắc, vô nhân đạo của những kẻ rêu rao là đi “khai hóa” cho các dân tộc nhược tiểu, kêu gọi đoàn kết toàn thể mọi lực lượng dân tộc kết hợp với lực lượng tiến bộ Pháp đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân, kêu gọi các Đảng cộng sản chính quốc phải có trách nhiệm ủng hộ phong trào đấu tranh của các nước thuộc địa, khẳng định chủ nghĩa cộng sản có khả năng thực hiện ở các dân tộc thuộc địa, ở châu Á v.v...

Những bài báo của Nguyễn Ái Quốc, ngoài những ý nghĩa chính luận sâu sắc còn là một tiêu biểu trên lĩnh vực văn học nghệ thuật cách mạng như truyện ký viễn tưởng *Con người biết mùi hun khói*, chứa đựng tính lãng mạn cách mạng về một viễn cảnh của những dân tộc ở châu Phi, nơi đó không có sự phân biệt chủng tộc, con người sống với nhau trong hạnh phúc cộng sản chủ nghĩa. Nghệ thuật mang tính dân tộc như lối chơi chữ, châm biếm sâu cay những kẻ thù của nhân dân. Với góc độ nhìn nhận của người “trong cuộc” mang tính tả thực cao, sống hòa mình trong cảnh

nghèo túng, lao động bị bóc lột, Nguyễn Ái Quốc đã nói được không khí, hơi thở, tư duy của giai cấp lao động. Tuy mới học viết văn nhưng Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng làm chủ ngòi bút, vươn lên những lĩnh vực văn học phức tạp và bậc cao như truyện ngắn với một ngôn ngữ Pháp rất nhuần nhuyễn.

Nâng tầm cao hoạt động chính trị lên một bước mới, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập ra “Hội Liên hiệp thuộc địa”, nhằm tập hợp lực lượng, đoàn kết các dân tộc thuộc địa với giai cấp công nhân chính quốc để đấu tranh chống kẻ thù chung. Đây là mặt trận liên minh các lực lượng dân tộc bị áp bức, lần đầu tiên xuất hiện ở Pháp do một lãnh tụ thuộc địa đó là Nguyễn Ái Quốc đứng ra tổ chức. Ảnh hưởng của anh càng lớn lao trên diễn đàn quốc tế thì mặt thám càng ráo riết theo dõi hoạt động cách mạng của anh bấy nhiêu. “Hội Liên hiệp thuộc địa” được chính thức thành lập ngày 26 tháng 6 năm 1921 tại Pari. Hội xây dựng chương trình, điều lệ và cử ra Ban Chấp hành của Hội. Hội ra bản tuyên ngôn do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đặc biệt Hội đã cho ra tờ báo *Người cùng khổ* (Le Paria). Nguyễn Ái Quốc vừa là chủ

nhiệm kiêm chủ bút, viết bài, sau này cả phát hành báo.

Trang đầu báo in chữ *Le Paria* ở giữa, bên phải có ba chữ Hán *Lao động báo*, bên trái có chữ Ả Rập, cũng nghĩa như chữ Hán và Pháp. Báo xuất bản bằng tiếng Pháp. Tiêu chí của báo như tên gọi là tờ báo của những người lao động. Ngày 1 tháng 4 năm 1922 báo ra số đầu tiên. Trang đầu đăng lời kêu gọi giống như một tuyên ngôn của báo. Tài chính của báo do sự ủng hộ nhiệt tình của các đồng chí Pháp cũng như trụ sở báo, phương tiện v.v... Nhà văn nổi tiếng Pháp H.Bác Buýt nhận đỡ đầu cho báo, các đồng chí M.Casanh, G.Lêuy... tham gia viết bài cho báo. Từ lúc ra đời đến lúc dừng hoạt động (4-1926), toàn bộ báo ra được 38 số là một sự cố gắng lớn, trong đó vai trò của Nguyễn Ái Quốc rất quan trọng. Ngoài việc lo hoạt động của báo, Người còn viết nhiều bài trên các lĩnh vực: xã luận, bình luận, truyện ký, tiểu phẩm, tranh vẽ, đưa tin, dịch thuật... là một cây viết chính, là linh hồn tồn tại và phát triển của báo. Những bài viết của Nguyễn Ái Quốc tập trung tố cáo chế độ bóc lột của thực dân trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam. Vạch trần những

thủ đoạn, mảnh khoe bóc lột tư bản như đặt ra nhiều thứ thuế phi lý, sinh ra các tệ nạn xã hội như thuốc phiện, rượu, bắt lính, chiếm đoạt ruộng đất v.v... Người kêu gọi, muốn xóa những chế độ bất công đó không có gì khác hơn là đoàn kết các dân tộc, đứng lên đấu tranh giai cấp. Hòa cùng tiếng nói với báo *L'Humanite* của Đảng Cộng sản Pháp, báo *Le Paria* đã tạo thành một mặt trận thống nhất chung của nhân dân thuộc địa với giai cấp vô sản và nhân dân lao động Pháp chống chủ nghĩa tư bản.

Báo *Le Paria* đóng góp rất lớn truyền tải những tư tưởng tiến bộ, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và nhiều nước thuộc địa khác, nhằm kêu gọi đoàn kết đấu tranh. Nhiều người ở Việt Nam cũng như các nước thuộc địa khác đọc báo *Le Paria* đã đến với cách mạng, với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Từ một người yêu nước nhiệt tình cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước và dẫn thân vào cuộc đấu tranh để thực hiện thắng lợi con đường đó. Sáu năm hoạt động ở Pháp là sáu năm có ý nghĩa rất to lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Nguyễn Ái

Quốc đã trưởng thành vượt bậc, từ người yêu nước thành người cộng sản, từ một thân phận đi tìm tòi, lao động đủ nghề trở thành người tổ chức, tuyên truyền cách mạng nổi tiếng thế giới. Con người có trí tuệ mẫn tiệp, một nghị lực phi thường, một tấm lòng nhiệt tình đam mê cách mạng, Nguyễn Ái Quốc từ người đi tìm đường trở thành người dẫn đường. Là đảng viên Cộng sản trở thành người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, sau này sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. TRÊN QUÊ HƯƠNG V.I LÊNIN

Do uy tín lớn, được Đảng Cộng sản Pháp đánh giá cao khả năng phát triển, Nguyễn Ái Quốc được vinh dự cử sang quê hương Cách mạng tháng Mười - niềm mơ ước bấy lâu của mình và được các đồng chí bố trí bí mật sang Nga. Từ Pari đến Béclin, Nguyễn Ái Quốc được các đồng chí Xôviết đón tiếp và cấp thị thực vào nước Nga Xô Viết. Từ Béclin sang Nga anh đi tàu thủy và ngày 23 tháng 6 năm 1923 cập bến Pêtrôgrát.

Lần đầu tiên đặt chân lên đất nước tự do, Nguyễn Ái Quốc thấy lòng mình rạo

rực. Cuộc đời hoạt động cách mạng có lẽ đây là giờ phút sung sướng nhất vì đây là cơ hội, là điều kiện tốt nhất mở ra con đường trở về quê hương để giải phóng dân tộc, là hậu phương vững chắc của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam mà Người là lãnh tụ tối cao của đất nước.

Thời kỳ này Quốc tế Cộng sản có sáng kiến thành lập Quốc tế Nông dân. Ngày 10 tháng 10 năm 1923 Quốc tế Nông dân mở Đại hội. Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội với tư cách là đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương và được Đoàn chủ tịch mời lên phát biểu trước Đại hội. Dịp may hiếm có, Nguyễn Ái Quốc tận dụng lần đầu tiên phát biểu trên một diễn đàn quốc tế để lên tiếng đại diện của những người nông dân thuộc địa: “Thưa các đồng chí, khi các đồng chí được tổ chức lại, các đồng chí phải nêu gương cho chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi rồi dang rộng cánh tay đón chúng tôi, để chúng tôi có thể bước vào đại gia đình vô sản quốc tế” (*Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân*. Nxb Nông thôn mới. Tiếng Nga, Matxcơva tr. 15). Nguyễn Ái Quốc trong lời tham luận nêu lên hình ảnh sinh động để mọi người hiểu rõ hơn tình cảnh của nông dân Việt Nam:

“Nếu đem so sánh người nông dân Nga với người nông dân Việt Nam, người ta có ấn tượng rằng, khi người nông dân Nga đang ngồi thoải mái trên chiếc ghế bành, thì trong lúc đó, người nông dân Việt Nam đang bị treo ngược đầu xuống đất”. (*Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân. Nxb Nông thôn Mới. Tiếng Nga. Mátxcơva, tr.15*).

Người đã trình bày một số quan điểm về tổ chức vận động giác ngộ nông dân. Đặc biệt lưu ý nơi giai cấp nông dân chịu hai tầng áp bức tức là ở những nước thuộc địa. Trên tạp chí *Quốc tế nông dân (Krestianski Intenational)*, Nguyễn Ái Quốc tham gia viết đăng nhiều bài, đề cập đến các vấn đề của nông dân châu Phi v.v... Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Muốn xóa bỏ được bất công của nông dân thuộc địa, phải tổ chức đấu tranh thực hiện thành công khẩu hiệu: “Tất cả ruộng đất về tay nông dân”.

Thật là cơ hội hiếm có, ở Liên Xô năm 1921 thành lập trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Trường đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước phương Đông và các nước cộng hòa Trung Á của Liên Xô. Nguyễn Ái Quốc được giới thiệu

vào học lớp ngắn hạn tại đây. Học viên ở đây gồm các dân tộc khác nhau, nhưng đoàn kết thống nhất. Nguyễn Ái Quốc được học những nguyên lý đấu tranh giai cấp, được trang bị những phương pháp, tổ chức làm cách mạng một cách khoa học và thực sự trường đã trở thành nơi đào tạo những cán bộ tuyên truyền đầu tiên cho các nước phương Đông. Từ đó Nguyễn Ái Quốc thành lập nhóm châu Á. Anh chủ động tập hợp các học viên châu Á, trong đó phần lớn là các bạn Trung Quốc, để sinh hoạt trao đổi những vấn đề liên quan đến thực tế đấu tranh của các nước thuộc địa, cùng nhau giúp đỡ học tập, sinh hoạt.

Ở đất nước Xô Viết, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện tập trung học tập hơn ở Pháp. Trong quá trình sinh hoạt trong nhóm châu Á, Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp tư liệu của các bạn học viên người Trung Quốc để viết cuốn sách *Trung Quốc và Thanh niên Trung Quốc*. Năm 1921 được nhà xuất bản Mátxcơva Mới công bố và cuốn sách đã trở thành sách tiêu biểu trong tủ sách của Thành đoàn Thanh niên Mátxcơva.

Thời kỳ đang học ở trường Đại học Phương Đông, có một sự kiện gây tiếng

vang lớn. Nhân dịp nhà thơ Liên Xô Ôxíp Mandenstam đến Trường và gặp người thanh niên Việt Nam Nguyễn Ái Quốc, giữa hai người đã có một cuộc trao đổi chân tình cởi mở. Những vấn đề về quê hương, tình trạng bóc lột ở các nước thuộc địa, về Phương Đông học, về quá trình tự học và hoạt động cách mạng v.v... Tất cả được Nguyễn Ái Quốc trình bày một cách khúc chiết, sâu sắc và mang một tâm hồn trong sáng, nhiệt tình của người thanh niên phương Đông tài năng và lịch thiệp. Sau cuộc chuyện trò, trên báo *Ngon lửa nhỏ* đã đăng bài “Thăm một chiến sĩ Quốc tế Cộng sản - Nguyễn Ái Quốc” của Mandenstam, trong đó có đoạn: “Từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một nền văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là văn hóa tương lai. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc giản dị và lịch sự. Qua cử chỉ cao thượng, tiếng nói trầm lắng của Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy được ngày mai, thấy được viễn cảnh trời yên biển lặng của tình hữu ái toàn thế giới bao la như đại dương”. Bài báo đã gây một tiếng vang lớn trên công luận. Mọi người chú ý hơn đến Nguyễn Ái Quốc và dân tộc Việt Nam,

tức là chú ý và tỏ thái độ ủng hộ, giúp đỡ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam.

Năm 1924, một sự kiện nữa đến với Nguyễn Ái Quốc. Khi nghe tin Lenin từ trần, tuy cái rét dưới 30 độ âm, Nguyễn Ái Quốc trong dòng người đến viếng Lenin, anh quên cả giá lạnh. Vừa nhích từng bước vào phòng tang lễ, anh trầm ngâm suy nghĩ về con người và sự nghiệp vĩ đại của Lenin. Anh hết sức ngưỡng mộ, kính phục Lenin - Người đã mang đến cho anh ánh sáng chân lý. Từ ngày đọc *Luận cương về cách mạng thuộc địa*, anh hoàn toàn theo Lenin. Ước ao khi đến Liên Xô sẽ gặp được Lenin và được nghe trực tiếp những lời chỉ huấn của Người. Nhưng tiếc rằng khi anh sang đây thì Lenin đang ốm nặng. Vượt lên giá rét và bị cảm lạnh, tối đó, trong tâm trạng xúc động dâng tràn Nguyễn Ái Quốc thức trọn đêm viết bài "Lenin và các dân tộc thuộc địa". Báo *Pravda*, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Liên Xô đăng bài viết của Nguyễn Ái Quốc đúng vào ngày tang lễ trọng thể của Lenin. Bên cạnh tin về tang lễ là bài "Lenin và các dân tộc thuộc địa". Bài báo đã ca ngợi Lenin là lãnh tụ của toàn thế giới đặc biệt đối với các dân tộc

thuộc địa. Lênin đã thắp sáng ngọn đèn chân lý, ánh sáng soi rọi tương lai. Lênin, một con người ở nước Nga đã dũng cảm đấu tranh cho các dân tộc thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc tốt nghiệp khóa ngắn hạn trường Đại học Phương Đông, được bố trí làm việc tại Ban Phương Đông, Quốc tế Cộng sản từ ngày 14 tháng 4 năm 1924. Nhờ có những hoạt động tích cực nên uy tín và ảnh hưởng của anh trong bạn bè, đồng chí và công việc ngày càng cao. Anh thường được mời đi nói chuyện, tuyên truyền trong các buổi mít tinh. Đặc biệt trong ngày Quốc tế Lao động mùng 1 tháng 5 năm 1924, anh được Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ủy nhiệm đến Hồng Trường nói chuyện với đoàn biểu tình và được cấp Giấy đặc biệt tự do ra vào Hồng Trường.

Tháng 7 năm 1924 tại Matxcơva diễn ra một sự kiện trọng đại: Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội. Ngày khai mạc Tổng Bí thư đọc dự thảo Nghị quyết lời kêu gọi của Đại hội. Nguyễn Ái Quốc xin được phát biểu bổ sung lời kêu gọi thêm mấy chữ “Gửi các dân tộc thuộc địa”. Đề nghị hợp lý đó được Đại hội nhất trí tán thành.

Nguyễn Ái Quốc được bố trí phát biểu tại phiên họp thứ tám: “Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là: thuộc địa vẫn đang tồn tại và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của thuộc địa, còn có cả nguy cơ của các thuộc địa. Song tôi thấy rằng, hình như các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng cho rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức bóc lột ở các nước thuộc địa. Vì vậy tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được, sẽ gọi ra những vấn đề và nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa” (*Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 1, tr 273*). Nguyễn Ái Quốc thẳng thắn phê bình một số Đảng Cộng sản xem thường vấn đề thuộc địa, anh đã mạnh dạn vạch ra những sai lầm trong nhận thức của các Đảng đó “đánh rắn chỉ đánh đàng đuôi” mà sức sống của rắn là ở các thuộc địa - nơi vơ vét của cải, sức người đã làm giàu tư bản. Chính những ý nghĩa đó đã có ảnh hưởng rất lớn đến văn kiện Đại hội. Tháng 7 năm 1924 Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội

lần thứ ba Quốc tế Công hội đỏ. Anh được mời đọc tham luận về tình trạng kinh tế và lao động của giai cấp công nhân Việt Nam. Để khắc phục tình trạng bất công của giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa, yêu cầu nhân dân lao động và giai cấp công nhân quốc tế ngày càng phải tích cực giúp đỡ có hiệu quả phong trào công nhân thuộc địa.

Trên đất nước Lenin, vừa học tập, sau này vừa đi làm ở Ban Phương Đông, Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động tuyên truyền chính trị dưới nhiều hình thức phong phú, tham gia nói chuyện ở các cuộc mít tinh, biểu tình, tham dự các đại hội, hội nghị quan trọng của các cơ quan cao nhất của Quốc tế Cộng sản. Đặc biệt viết nhiều bài báo, đăng tải trên các báo hàng ngày và các tạp chí chuyên đề khác nhau. Những hoạt động đó tập trung vào chủ đề: làm thế nào để thế giới biết đến và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của các nước thuộc địa nói chung, Việt Nam nói riêng. Nội dung các bài viết của Nguyễn Ái Quốc cung cấp những tư liệu cần thiết để tố cáo tội ác dã man của chế độ hai tầng áp bức ở các nước thuộc địa. Ở đó người lao động bị bóc lột, nhưng

qua thông tin báo chí tư sản thì bị bóp méo, che đậy bản chất. Do đó đã làm sai lệch hoàn toàn nhận thức về tình cảnh người lao động. Thậm chí còn hiểu sai là ở đó được sự “khai hóa văn minh” của các nước chính quốc. Nguyễn Ái Quốc yêu cầu cần phải đoàn kết lại phong trào công nhân toàn thế giới, mà các Đảng Cộng sản là ngọn cờ dẫn dắt phong trào. Ngoài ra Nguyễn Ái Quốc còn đề cập đến những vấn đề lý luận và chỉ đạo hoạt động thực tiễn phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Từ những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, với sự nhạy bén sâu sắc tiếp thu tri thức học được cộng với trí tuệ mẫn tiệp, nắm bắt nhanh các vấn đề thời sự chính trị, nên Nguyễn Ái Quốc đã đóng góp vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin ngày một phong phú. Đặc biệt bổ sung những luận điểm, những kinh nghiệm quý báu về phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc có dịp tiếp xúc làm quen với xã hội Xô Viết những năm đầu có chính quyền cách mạng. Tuy cuộc sống của nhân dân lao động còn gặp khó khăn, do sự bao vây kinh

tế của các tập đoàn tư bản, chúng muốn tiêu diệt, làm suy yếu nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. Nhưng nhờ “chính sách kinh tế mới” của Lênin, nên đã huy động cao nhất nhân tài vật lực để củng cố sức mạnh của Nhà nước và quân đội. Nhân dân lao động từ công nhân, các xưởng máy đến người nông dân trên đồng ruộng đều vui vẻ, phấn khởi, hăng say lao động cống hiến nhiệt tình cho chính quyền mới. Cả đất nước Xô Viết rộng lớn là một công trường sôi động, đoàn kết gắn bó. Nguyễn Ái Quốc như thấy được tiềm năng phát triển trong tương lai của Nhà nước Xô Viết. Anh rất cảm phục chế độ giáo dục và văn hóa Xô Viết. Đây thực sự là thiên đường của các em nhỏ. Nguyễn Ái Quốc có nhận xét rất đúng: “Nếu nước Nga chưa phải là thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ em”. Đến nơi đây mới thực sự hiểu rõ chế độ ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Bọn tư sản càng lo sợ, chúng càng ra sức phá hoại, xuyên tạc, nói xấu xã hội Xô Viết. Nguyễn Ái Quốc càng cảm phục hơn là con người và chính sách của Nhà nước Xô Viết luôn luôn ủng hộ có hiệu quả đối với phong trào đấu tranh của các nước thuộc

địa. Họ không sợ khó khăn, thiếu thốn, họ thắt lưng buộc bụng để giúp đỡ, ủng hộ các dân tộc thuộc địa. Đất nước, con người Xô Viết thực sự là chỗ dựa vững chắc, là tiền đề, là niềm hy vọng vươn tới của các dân tộc thuộc địa.

Trước khi lên đường về Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc kịp tập hợp một số bài báo đã đăng thời kỳ ở Pháp và biên tập lại, bổ sung hoàn chỉnh cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Nguyễn Ái Quốc vì phải đi gấp nên không kịp xuất bản ở Liên Xô, đành gửi về Pari cho Hội Liên hiệp thuộc địa xuất bản. Cuốn sách là cả một công trình lớn đề cập đến những vấn đề nóng bỏng tính thời sự như tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp - nội dung chứa đựng những thông tin mà anh đã mấy năm trời thu thập, tập hợp một cách có lựa chọn tiêu biểu và có hệ thống. Kêu gọi, thức tỉnh các dân tộc thuộc địa trước tiên phải đoàn kết để tự cứu lấy mình. Nguyễn Ái Quốc thông qua cuốn sách bày tỏ tư tưởng, phương pháp cách mạng của mình, đề ra những phương hướng chỉ dẫn phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

5. TRỞ VỀ CHÂU Á SÁNG LẬP TỔ CHỨC CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM

Trong thời gian làm việc ở Ban Phương Đông - Quốc tế Cộng sản, nhiều lần Nguyễn Ái Quốc đề nghị được trở về phương Đông gặp gỡ những thanh niên yêu nước đang ở Quảng Châu để thực hiện ý nguyện: “Tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do - độc lập”. Cuối cùng nguyện vọng đó được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Anh được bổ nhiệm làm ủy viên Ban Phương Đông và ủy viên Đoàn chủ tịch Quốc tế Nông dân của Quốc tế Cộng sản, được giao trách nhiệm chỉ đạo phong trào cách mạng ở một số nước châu Á. Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu ngày 11 tháng 1 năm 1924. Để hợp pháp hóa hoạt động của mình Nguyễn Ái Quốc lấy bí danh là Lý Thụy, làm phiên dịch trong văn phòng của Đoàn cố vấn Xô Viết tại Quảng Châu, nhưng trên thực tế Nguyễn Ái Quốc liên lạc quan hệ trực tiếp với Quốc tế Cộng sản. Quảng Châu là trung tâm cách mạng của Trung Quốc. Ở đây nhiều nhà yêu nước Việt Nam đang sống và học tập, làm việc. Nguyễn Ái Quốc trực tiếp đến gặp gỡ trao đổi với họ. Trong số người đó có cụ Phan

Bội Châu, người cùng quê, bạn thân của ông Nguyễn Sinh Huy. Hai người rất quý mến nhau, khâm phục nhau. Cụ Phan đưa cho Nguyễn Ái Quốc xem kế hoạch, chương trình, đảng cương của mình và đề nghị góp ý kiến. Vì biết Nguyễn Ái Quốc được đào tạo cơ bản lý luận cách mạng từ bên châu Âu, đặc biệt ở Matxcơva và ông đã được biết tiếng tăm Nguyễn Ái Quốc trên thế giới nên ông rất khâm phục. Xem xong, Nguyễn Ái Quốc trao đổi chân tình những chỗ cần bổ sung, cần viết lại cho sắc sảo hơn. Nhưng tiếc rằng cụ Phan chưa kịp sửa sang theo ý Nguyễn Ái Quốc thì bị bắt. Cuộc trao đổi giữa cụ Phan và Nguyễn Ái Quốc chính là cuộc chuyển giao thế hệ.

Gặp cụ Phan và một số thanh niên yêu nước Việt Nam tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: Họ rất yêu nước, sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc nhưng họ khác xa mình về con đường chính trị, kém tổ chức. Do đó Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu tiến hành công tác tổ chức lại. Nhờ Phan Bội Châu giới thiệu những cộng sự tin cậy của mình, Nguyễn Ái Quốc đã tập trung họ lại, mở lớp huấn luyện về phương pháp tổ chức. Chọn trong số đó lập thành một nhóm bí mật gồm chín người. Sau đó thành

lập một tổ chức có tính quần chúng rộng rãi hơn với chủ trương tập hợp đầy đủ tất cả các thanh niên yêu nước.

Tháng 6 năm 1925, “Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội” ra đời. Mục đích của Hội là: “Làm cuộc cách mệnh dân tộc (đuổi Pháp, giành độc lập), sau đó làm cuộc cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc, thực hiện chủ nghĩa cộng sản)”.

Tổ chức của Hội gồm có 5 cấp: Tổng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ. Hoạt động của Hội tuyệt đối giữ bí mật, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, lấy phê bình và tự phê bình làm phương châm phát triển của Hội. Hội là một tổ chức chính trị theo khuynh hướng Macxit. Đặc biệt Hội hoạt động không đơn độc mà nằm trong Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức, gắn chặt quan hệ cách mạng dân tộc với quốc tế. Đó là sự nghiệp lâu bền và phát triển phù hợp với thời đại. Ngày 9 tháng 7 năm 1925, Hội Liên hiệp họp đại hội ra “Tuyên ngôn”. Thành viên của Hội gồm có Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc được bầu làm Bí thư kiêm ủy viên tài chính của Hội và đồng thời trực tiếp phụ trách chi hội

Việt Nam, đó là “Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội”.

Vì sao Nguyễn Ái Quốc không thành lập ngay một Đảng Cộng sản như nhiều nước? Dựa trên phân tích tình hình thực trạng một cách khoa học, Việt Nam là một nước 95% dân số là nông dân, phần lớn mù chữ, ít ai biết chủ nghĩa cộng sản là gì. Xuất phát từ đó phải đi những bước quá độ từ một tổ chức cách mạng theo khuynh hướng Mácxít để thông qua tổ chức đó đưa dần chủ nghĩa Mác - Lênin vào quần chúng. Đó là một sách lược chính trị hoàn toàn đúng đắn.

“Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội” muốn hoạt động được tốt phải thiết lập mối liên lạc với Quốc tế Cộng sản và với trong nước. Việc tổ chức đường dây liên lạc đó nhằm mục tiêu đưa đón cán bộ, chuyển tài liệu sách báo ngày càng tốt hơn phù hợp với nhịp độ phát triển của phong trào.

Nhiệm vụ tối quan trọng của Nguyễn Ái Quốc là gấp rút tổ chức các lớp đào tạo cán bộ, làm nòng cốt cho phong trào. Muốn tổ chức đào tạo tốt Nguyễn Ái Quốc phải vượt qua nhiều khó khăn thử thách như về trường lớp, giáo trình, quản lý, tuyển

chọn và về tài chính. Đến cuối năm 1925 lớp huấn luyện chính trị đầu tiên được khai giảng. Mỗi khóa học một tháng rồi cử về nước hoạt động. Khóa đầu có 10 người, khóa hai có 30 người... Giảng viên chính là Nguyễn Ái Quốc, ngoài ra các đồng chí Chu Ân Lai, Trương Thái Lô, Bành Bái, Lý Phú Xuân, Trần Diên Niên... được mời tới giảng bài. Trong thời gian có lớp huấn luyện hầu như Nguyễn Ái Quốc dành thời gian cho việc giảng dạy cả phần lý thuyết lẫn thực hành. Học viên được trang bị lý luận cách mạng và được dạy cách hoạt động thực tiễn như việc tổ chức đoàn thể quần chúng như Công Hội, Nông Hội..., thực hành các hoạt động cụ thể trong hoàn cảnh hoạt động bí mật như viết báo, diễn thuyết, tuyên truyền... Khi tốt nghiệp, học viên được kết nạp vào nhóm bí mật, vào "Thanh niên cách mạng đồng chí Hội". Sau đó được cử về nước, gây dựng cơ sở và tổ chức những đoàn sang học tiếp. Đến cuối tháng 4 năm 1927 Nguyễn Ái Quốc đã mở được ba khóa huấn luyện, Nguyễn Ái Quốc còn lựa chọn, cử một số học sinh đi học ở Matxcơva và Trường quân sự Hoàng Phố. Học viên vừa được đào tạo chính quy lại đỡ phần nào kinh phí đào tạo của Hội.

Năm 1926 Nguyễn Ái Quốc đã cùng với M.M. Bôrôđin lựa chọn và làm thủ tục cho một số thanh niên Việt Nam sang Matxcơva học tập. Khóa đầu có Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập. Những người này sau trở thành lãnh tụ ưu tú của Đảng. Đồng chí Trần Phú là Tổng Bí thư Đảng tháng 10 năm 1930, Hà Huy Tập là Tổng Bí thư của Đảng 1935.

Ý thức sâu sắc, công cụ báo chí là vũ khí tuyên truyền cần thiết của một tổ chức chính trị. Ngày 21 tháng 6 năm 1925 tại Quảng Châu, báo *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của “Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội” được thành lập và ra số đầu tiên. Đây là tờ báo đầu tiên khai sáng con đường báo chí cách mạng nước ta. Nguyễn Ái Quốc với bút danh Z.A.C viết những bài chính trị lớn, quan trọng. Đặc biệt bài đầu tiên được xem như “Tuyên ngôn” của tờ báo *Thanh niên*: “Khi nào cùng ý chí, cùng kỳ vọng thì khi ấy mới có đoàn kết, bằng không dẫu có hô hào đoàn kết mấy đi nữa cũng không thể đoàn kết được. Sự nghiệp cách mạng lớn lắm. Những người cách mạng phải đoàn kết với nhau để thực hiện sự nghiệp đó. Người mình đã làm việc cách mạng nhiều năm rồi mà chưa thành công bởi vì thiếu

đoàn kết với nhau...". Suốt thời kỳ do Nguyễn Ái Quốc phụ trách, báo *Thanh niên* ra được 88 số. Cùng thời gian ra đời của báo *Thanh niên*, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí của mình còn cho ra nhiều tờ báo khác như *Lính cách mệnh*, *Công nông Việt Nam tiên phong*, chủ yếu đề cập tới nhiều đối tượng hẹp hơn, như tên báo đã nêu. Các tờ báo do Nguyễn Ái Quốc sáng lập đã được bí mật đưa về Việt Nam tuyên truyền trong dân chúng. Có tờ như *Thanh niên* còn được tổ chức in lại. Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp các bài giảng của mình rồi tiếp tục hoàn thiện nâng cao thành tác phẩm lớn *Đường Cách mệnh* và đã được "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức" xuất bản tại Quảng Châu vào đầu năm 1927 trong khuôn khổ cuốn sách nhỏ.

Phần đầu tác phẩm *Đường Cách mệnh* xác định chuẩn mực đạo đức cách mạng của người chiến sĩ cộng sản đó là cần, kiệm, vi công vong tư, không hiếu danh, không kiêu ngạo, lời nói đi đôi với việc làm, giữ vững ý chí, lý tưởng, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng, ít lòng ham muốn vật chất, đối với mọi người thì phải nghiêm chỉnh, giúp đỡ lẫn nhau; trực mà không táo bạo, dũng

cảm quyết đoán nhưng không phiêu lưu mạo hiểm, phải phục tùng đoàn thể.

Đường Cách mệnh đã so sánh các cuộc cách mạng trong lịch sử loài người và kết luận: Mặc dầu có ý nghĩa to lớn trong lịch sử nhân loại song nó không triệt để “cách mạng, không đến nơi đến chốn”. Chỉ có Cách mạng tháng Mười Nga mới là cuộc cách mạng triệt để nhất.

Đường Cách mệnh giới thiệu sơ lược lịch sử Quốc tế Cộng sản. Chỉ rõ sự nghiệp cách mạng là của toàn dân tộc chứ không của một vài cá nhân nào. Khẳng định chuẩn mực, và lực lượng cách mạng: Công nông là gốc cách mạng, không chỉ vì họ chiếm số đông mà vì họ bị áp bức nhiều nhất, còn các đối tượng khác như học sinh, nhà buôn, điền chủ nhỏ là bạn cách mạng của công nông. *Đường Cách mệnh* xem Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Khẳng định học thuyết của Đảng là: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”. *Đường Cách mệnh* khẳng định đoàn kết là nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng. Đoàn kết công nông Việt Nam, với công nông Pháp cùng làm cách mạng thì mau thành công. *Đường*

Cách mệnh giới thiệu các tổ chức của Quốc tế Cộng sản như Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Nông dân, Quốc tế Cứu tế đỏ v.v...

Đường Cách mệnh thực sự là sự nối tiếp sứ mệnh của *Bản án chế độ thực dân Pháp*, là vũ khí đấu tranh chính trị, thức tỉnh và định hướng cho hành động cách mạng. *Đường Cách mệnh* là một tác phẩm có giá trị lớn về lý luận khoa học cách mạng và thực tiễn cách mạng, đến hình thức nghệ thuật diễn đạt dễ hiểu, cụ thể, đã chuyển tải những tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin cho mọi tầng lớp xã hội. Thực sự qua tác phẩm *Đường Cách mệnh*, những lý luận khó hiểu, trừu tượng của học thuyết Mác - Lênin được lý giải và vận dụng vào thực tiễn một cách tài tình. Cuốn sách được đưa về nước thức tỉnh dân tộc theo ngọn cờ cách mạng.

Thời kỳ hoạt động ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc không chỉ tham gia tổ chức đội ngũ cách mạng Việt Nam mà còn ủng hộ cách mạng Trung Quốc một cách nhiệt tình. Tháng 5 năm 1925 Nguyễn Ái Quốc tham gia Hội nghị đầu tiên của đại biểu nông dân toàn Trung Quốc. Ngày 19 tháng 6 năm 1925 cuộc tổng bãi công của

công nhân Hương Cảng bùng nổ đã bầu ra Ủy ban bãi công, Nguyễn Ái Quốc đã đến thăm Ủy ban và đề nghị được tham gia diễn thuyết với danh nghĩa là đại biểu của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Người ghi tên dưới bí danh Lý Thụy với đề tài diễn thuyết: “Mối quan hệ giữa công nhân Trung Quốc với các dân tộc bị áp bức và tính tất yếu phải liên hiệp lại đánh đổ chủ nghĩa đế quốc”. Ngày hôm sau báo chí đã đưa tin nội dung diễn thuyết của Lý Thụy và hết lời ca ngợi ‘Người Việt Nam gia nhập hội diễn thuyết’. Những hoạt động ủng hộ cách mạng Trung Quốc chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện tinh thần chủ nghĩa quốc tế - một bộ phận của cách mạng thế giới và luôn có ý thức trách nhiệm đóng góp, ủng hộ.

Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu phong trào cách mạng ở nông thôn Trung Quốc. Người đã viết tập hồi ký *Ký ức của một nhà tuyên truyền* gồm 54 mục, phản ánh sinh động cuộc sống văn hóa xã hội và cuộc đấu tranh chống áp bức của nhân dân hai huyện Hải Phong và Lục Phong dưới sự dẫn dắt của người anh hùng Bành Bái. Người rút ra nhiều kết luận quan trọng

về kinh nghiệm tổ chức nông dân đấu tranh. Điều đó có giá trị thực tiễn để sau này lãnh đạo phong trào cách mạng nói chung ở Việt Nam. Thời kỳ này hợp tác Quốc - Cộng đang tốt đẹp. Ngày 6 tháng 1 năm 1926 Đại hội Quốc dân Đảng được triệu tập ở Quảng Châu. Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, Đại hội đã mời Người đến trình bày vấn đề Việt Nam. Ngày 14 tháng 1 năm 1926 với bí danh Vương Đạt Nhân, Người đã trình bày bài phát biểu nói lên tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam và Hoa kiều.

Tháng 4 năm 1927 được bọn đế quốc phản động giúp đỡ, Tưởng Giới Thạch tiến hành cuộc đảo chính phản cách mạng. Hành động đó đi ngược lại nguyện vọng lợi ích của nhân dân Trung Quốc, phá tan hợp tác Quốc - Cộng. Do đó những người cách mạng Việt Nam hoạt động ở Trung Quốc bị liệt vào danh sách những người bị truy nã, khủng bố. Nhờ một nguồn tin bí mật từ an ninh của Quốc dân Đảng là Nguyễn Ái Quốc bị truy nã. Không chậm trễ, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Quảng Châu đi Hương Cảng hy vọng sẽ tiếp tục công tác ở đó. Nhưng cảnh sát Anh yêu cầu Người phải rời khỏi Hương Cảng sau

24 giờ. Trong vai một thương gia giàu có, Nguyễn Ái Quốc lên chuyến tàu buôn đi Vladivôxtôc rời đất nước một thời sục sôi khí thế cách mạng, nơi mà Nguyễn Ái Quốc có nhiều kỷ niệm đẹp trong cuộc đời hoạt động cách mạng chuyên nghiệp của mình. Ra đi lòng bao nỗi tơ vò, không biết những đồng chí của mình, những học trò tin yêu ra sao? Ai ở, ai về nước, họ hoạt động ra sao? Những kinh nghiệm và lý luận, phương pháp tổ chức cách mạng họ có biến thành hiện thực ở Việt Nam không?

Sau ba năm lăn lộn với phong trào quần chúng ở phương Đông, Nguyễn Ái Quốc trở về quê hương cách mạng tháng Mười. Bạn bè, đồng chí trong Quốc tế Cộng sản và những người đồng chí Xô Viết ăn mừng chào đón Người từ nơi nóng bỏng ác liệt sống sót trở về. Do hoạt động nhiều, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, sức khỏe Nguyễn Ái Quốc sút kém hơn trước, do đó các đồng chí ở Quốc tế Cộng sản bố trí Người trở lại làm việc ở Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản và báo cáo chi tiết với Quốc tế Cộng sản về tình hình chính trị xảy ra ở Quảng Châu. Đặc biệt trong thời gian này Nguyễn Ái Quốc tập trung viết lại những bài học kinh nghiệm xương máu

về phương pháp tổ chức quần chúng cách mạng. Cuốn sách *Công tác quần sự của Đảng trong nông dân* ra đời. Từ những kinh nghiệm thực tiễn cách mạng Trung Quốc, Người đã chỉ ra những hoạt động non kém của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong nông dân. Những tư tưởng về xây dựng căn cứ địa, thời cơ cách mạng, liên minh công nông, xây dựng lực lượng vũ trang ở nông thôn v.v... Người đi đến kết luận sâu sắc: “cách mạng vô sản không thể thắng lợi ở trong những nước nông nghiệp nếu giai cấp vô sản không được quần chúng nông dân ủng hộ tích cực. Đó là sự thật không thể bàn cãi đối với hai cuộc cách mạng - cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng vô sản”. Người đã đưa ra nhận định quan trọng các nước thuộc địa phải nhanh chóng thoát khỏi tình trạng biệt lập, không có phương hướng. Muốn làm được như thế thì phải nhanh chóng xác định vai trò lãnh đạo phong trào quần chúng trong nông dân và phải có sự liên hệ mật thiết với phong trào công nhân ở các trung tâm công nghiệp. Đảng phải chú ý xây dựng lực lượng vũ trang, các đội du kích, tự vệ để có sự phối hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh chính trị phối hợp đấu tranh vũ trang.

Lần này trở lại Matxcova Nguyễn Ái Quốc có điều kiện gặp lại những người Việt Nam do Người gửi sang đây để học tập. Sau khi nắm vững tình hình sinh hoạt, học tập, Người đề nghị Ban Phương Đông cho thành lập tại trường Đại học Phương Đông một nhóm cộng sản gồm năm người là học sinh của trường Đại học Phương Đông. Họ, những con người trẻ tuổi luôn quan tâm tới tương lai đất nước và sẽ gánh vác nhiệm vụ nặng nề giải phóng dân tộc.

6. TRONG VAI THẦU CHÍN Ở NƯỚC XIÊM (THÁI LAN)

Tuy Matxcova có đủ điều kiện sinh hoạt, công tác và học tập, nhưng trách nhiệm nặng nề với Tổ quốc luôn luôn canh cánh trong lòng Nguyễn Ái Quốc. Người tìm mọi cách để được về nước hoặc chí ít cũng về gần Tổ quốc để gây dựng phong trào cách mạng. Cuối năm 1927 Nguyễn Ái Quốc từ Pháp sang Bỉ dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống đế quốc họp ở Brucxen. Tuy bí mật, nhưng mật thám Pháp đánh hơi được sự có mặt của Người trên đất Pháp, do đó Người buộc phải thay đổi chương trình không trở về

Pháp mà sang Đức chờ thời cơ thuận tiện sẽ lên đường về phương Đông, xích lại gần quê hương. Cuối tháng 4 năm 1928 Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra Quyết định đồng ý cho Nguyễn Ái Quốc trở về Đông Dương.

Sau khi có đủ giấy tờ tùy thân, Nguyễn Ái Quốc rời Beclin qua Thụy Sĩ đến Italia. Tại biên giới Italia gặp rắc rối do cảnh sát gây khó dễ, nhưng Người đủ lý lẽ vượt qua. Đến Roma, bọn mật thám Giáo hoàng nghi ngờ hỏi giấy tờ và buộc phải trả lời chất vấn. Nhưng nhờ bình tĩnh sáng suốt, Người trả lời trọn vẹn những câu hỏi hóc búa và chúng không có bằng chứng cụ thể kết tội nên đành phải trả tự do cho Người. Sau đó Nguyễn Ái Quốc đến Napôli đáp tàu thủy Nhật Bản đi Xiêm (Thái Lan).

Tháng 7 năm 1928 Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm. Người chọn nơi đây dừng chân vì được gần quê hương, nơi có nhiều người Việt Nam sang đây sinh sống. Đặc biệt họ là những người phải ly tán quê hương tránh sự khủng bố trả thù của chính quyền Pháp và triều đình sau cuộc khởi nghĩa Văn Thân. Họ phải sang đây nhưng lòng nặng trĩu tình yêu đất nước, thương đồng bào,

luôn hướng về quê hương. Họ sống quần tụ với nhau từng xóm nhỏ ở khu vực Đông bắc nước Xiêm. Có thời gian Phan Bội Châu đã sang đây lập căn cứ, xây dựng lực lượng.

Thời kỳ ở Trung Quốc Nguyễn Ái Quốc đã phán đoán trước thế nào mình cũng phải sang Xiêm. Do đó đã cử Hồ Tùng Mậu sang trước gây dựng cơ sở cách mạng. Hồ Tùng Mậu với Đặng Thúc Hứa đã lập chi bộ thanh niên đầu tiên ở Phì Chít và đã thành công trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng đại: lập một đường dây thông tin liên lạc từ Quảng Châu - Xiêm - về nước. Từ “Đệ nhất chi bộ” phát triển làm nhiều chi bộ mới ở nhiều vùng lớn của Xiêm như Udon, Nakhon, Sakhon có thêm các chi nhánh khác ở Bản Mạy, Mực Đa Han, Móng Bừa v.v..

Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm trong điều kiện thuận lợi do Người có sự chuẩn bị kỹ từ trước. Để giữ bí mật Nguyễn Ái Quốc dùng một số bí danh như Thọ, Nam Sơn, Chín... Nhưng đồng bào Việt kiều thường gọi Người bằng tên thân mật “Thầu Chín” (ông già Chín). Người sống hòa mình với quần chúng, cùng đi làm với mọi người, tối tối cùng bà con tập trung lại sinh hoạt,

Người thường hay chủ trì các buổi họp mặt, gọi lại những chuyện lịch sử, ông cha đánh ngoại xâm. Từ trước đã thành lập Hội Thân ái. Người góp ý kiến cho cán bộ Hội cách tổ chức, củng cố lại Hội. Cuối tháng 7 năm 1928 Người rời Phì Chít đi Đông Bắc Xiêm nơi có nhiều bà con Việt kiều ở các trung tâm như Udon, Xavang, Nakhon, Nong Khai v.v... Ở Udon Người mở lớp huấn luyện ngắn hạn cho hội viên chi hội "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội" và cho dịch một số tài liệu Mácxít để tuyên truyền. Người đặt kỳ vọng xây dựng nơi đây thành một trung tâm đào tạo cán bộ để đưa về nước hoạt động. Đổi tên tờ báo *Đồng thanh* thành *Thân ái* và Người trực tiếp chỉ đạo, viết bài cho báo. Để tuyên truyền cho đồng bào dễ hiểu, Người dùng lối nói của dân gian như ca dao, thơ lục bát, kịch... Người mở nhiều lớp dạy chữ quốc ngữ, mọi người đoàn kết thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, nạn mù chữ dần dần thanh toán, các tệ nạn như cờ bạc, cãi nhau cũng giảm hẳn. Mọi người tin tưởng và hăng hái làm theo.

Những học trò của Nguyễn Ái Quốc khi về nước đã tích cực hoạt động gây dựng tổ chức và phát triển phong trào cách

mạng. Báo *Thanh niên* cùng các tờ báo khác của Đảng đã gây ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức chính trị của nhân dân Việt Nam; kêu gọi tổ chức tập hợp quần chúng theo Đảng làm cách mạng.

Do không có sự chỉ đạo thống nhất, do đó các kỳ bộ, tỉnh bộ phát triển nhiều tổ chức Đảng. Ngày 17 tháng 6 năm 1929 ở Bắc Kỳ ra đời Đông Dương Cộng sản Đảng, đầu tháng 8 năm 1929 kỳ bộ Thanh niên ở Nam Kỳ thành lập An Nam Cộng sản Đảng. Tháng 9 năm 1929 cánh tả trong Đảng Tân Việt tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Các tổ chức Đảng đều ra tuyên ngôn, chính cương, điều lệ... Sự ra đời của các tổ chức cộng sản phản ánh yêu cầu của phong trào cách mạng Việt Nam đòi hỏi phải có một bộ tham mưu chỉ đạo thống nhất. Rõ ràng nhiều tổ chức cộng sản ra đời không có sự chỉ đạo thống nhất sẽ gây nên sự chia rẽ trong nội bộ, làm suy yếu phong trào cách mạng. Theo dõi sát tình hình ở Đông Dương, Quốc tế Cộng sản ủy nhiệm cho Nguyễn Ái Quốc tổ chức hợp nhất. Ngày 23 tháng 12 năm 1929 Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm đi Trung Quốc. Sau khi trao đổi với đại diện Ban Phương Đông

Quốc tế Cộng sản và gặp gỡ một số đồng chí đảng viên tìm hiểu thêm tình hình trong nước, Người đi Hương Cảng để thực hiện hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc bố trí cho từng đoàn ở riêng vừa để giữ bí mật và tránh sự tranh luận căng thẳng. Rồi Người gặp riêng trao đổi cụ thể với từng đoàn. Ngày 3 tháng 2 năm 1930 Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản chính thức khai mạc tại nhà một công nhân ở Cửu Long. Tham dự Hội nghị, ngoài Nguyễn Ái Quốc đại diện Quốc tế Cộng sản, có hai đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng là Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh, hai đại biểu An Nam Cộng sản Đảng là Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiện. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn vừa mới thành lập chưa có liên hệ nên chưa kịp cử đại biểu tới dự. Ngoài ra còn có hai người giúp việc Hội nghị là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn. Ai cũng nhận thấy trách nhiệm lớn lao của Hội nghị hợp nhất. Thay mặt Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tuyên bố lý do và đề ra chương trình nghị sự:

1- Bỏ thành kiến xung đột, nhất trí hợp nhất;

2- Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;

3- Soạn thảo Chính cương, Điều lệ tóm tắt của Đảng;

4- Soạn thảo kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;

5- Cử Ban Chấp hành lâm thời gồm 9 người. Sau đó Nguyễn Ái Quốc với kinh nghiệm hoạt động trong tổ chức của Đảng đã trao đổi những điều tâm huyết, những kinh nghiệm quý báu về việc thành lập Đảng Mácxít và nêu rõ hợp nhất, đoàn kết là sức mạnh của Đảng.

Các đại biểu nhất trí cao ý kiến của Nguyễn Ái Quốc và tự kiểm điểm lại những nhược điểm của mỗi tổ chức và quyết bỏ mọi thành kiến cũ. Hội nghị thảo luận thẳng thắn và cởi mở về việc đặt tên Đảng. Mặc dầu tên Đảng chưa được thống nhất, nhưng sau khi nghe phân tích có lý lẽ, có sức thuyết phục của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã đi đến thống nhất lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau năm ngày làm việc khẩn trương và nhất trí cao Hội nghị đã thông qua Chính cương và sách lược văn tắt; Chương trình tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Đặc biệt Hội nghị đã đi đến

quyết định các phương hướng, kế hoạch hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, kế hoạch cử ra một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Hội nghị cũng đề nghị sẽ xuất bản một tờ *Tạp chí lý luận* và ba tờ báo để tuyên truyền.

Sau hội nghị hợp nhất, Nguyễn Ái Quốc đã viết lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột nhân dịp Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

Hội nghị hợp nhất có giá trị như một Đại hội thành lập Đảng, đã tập hợp mọi lực lượng của tổ chức Đảng dưới một bộ tham mưu, một Đảng duy nhất. Hội nghị thành công gắn với tên tuổi, sự nghiệp, cuộc đời, tài năng và đức độ của Nguyễn Ái Quốc. Chỉ có Người mới đủ uy tín và năng lực hoàn thành được sứ mệnh vẻ vang đó. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt lịch sử trong phong trào đấu tranh cách mạng của nước ta, đã chấm dứt sự khủng hoảng đường lối kéo dài nhiều năm, chuyển từ sự bế tắc sang bước ngoặt có định hướng con đường đi rõ ràng, là thành quả đấu tranh cách mạng lâu dài của dân tộc. Nguyễn Ái Quốc

từ con người đi tìm đường đến con người dẫn đường. Người tìm ra chân lý Mác - Lênin và đem chân lý đó phổ biến cho dân tộc. Người đã tổ chức, đào tạo, huấn luyện những tập thể, những đảng viên xung quanh một Bộ Tư lệnh tối cao - Đảng Cộng sản Việt Nam. Người trở thành lãnh tụ thiên tài của Đảng.

Trong những ngày phôi thai của buổi đầu thành lập, Nguyễn Ái Quốc đã rất tin tưởng ở sự trưởng thành nhanh chóng của Đảng. Người đã tiên tri được ngày mai của Đảng: “Ngày nay các nhóm cộng sản đã thống nhất vào một Đảng, hoạt động nhất định sẽ tốt hơn nhiều... Chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng với kinh nghiệm và lòng hy sinh, với quần chúng ở bên cạnh, những người cộng sản nhất định sẽ chiến thắng”. (*Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 3.tr37-38).

Ngày hợp nhất thành lập Đảng đối với Nguyễn Ái Quốc là ngày “sung sướng nhất đời mình”. Từ sau ngày thành lập Đảng, tuy hoạt động ở nước ngoài nhưng Nguyễn Ái Quốc rất quan tâm và chỉ đạo sát sao, Người thường xuyên viết thư cho các Đảng Cộng sản anh em yêu cầu giúp đỡ tài liệu, sách báo. Ngày 27 tháng 2 năm 1930

Nguyễn Ái Quốc viết thư báo cho đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản tin thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và đề nghị công bố “Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam” trên báo L’Humanite và tập san Thư tín quốc tế. Đề nghị được thông báo cho các đồng chí cộng sản Pháp làm việc trên những chuyến tàu chạy tuyến Pháp - Viễn Đông giúp đỡ Đảng Cộng sản Việt Nam liên lạc đi các nơi. Đề nghị giúp đỡ những người Việt Nam ở Pari để họ không lợi dụng danh nghĩa đảng viên làm việc xấu. Từ nay đề nghị trường Đại học Phương Đông chỉ nhận những học sinh Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam giới thiệu.

Trong một lá thư gửi những học sinh đang theo học ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc nhắc nhở giúp đỡ các đồng chí trong đoàn Việt Nam sang dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, cuối thư Người nói rõ vì sao Người không tham gia Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: “Với lý do chưa trở về Đông Dương được, nhất là lúc này, chúng đã ban cho tôi (NAK) một cái án tử hình vắng mặt”. Sau Hội nghị hợp nhất Đảng, Người làm nhiệm vụ “chỉ đạo các công việc của Đảng Cộng sản Việt Nam”,

nhưng còn phải chờ Ban Thường vụ Quốc tế Cộng sản quyết định về thời hạn ủy nhiệm công tác, và về việc từ nay đồng chí là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp hay Đảng Cộng sản Việt Nam?

Sau khi học xong khóa học tại trường Đại học Phương Đông, đồng chí Trần Phú bí mật sang Hồng Kông gặp Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Trần Phú đã báo cáo với Người về Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (9.1928), về tình hình nhóm học sinh Việt Nam ở Liên Xô, về những biến đổi của đất nước Xô Viết trong thời gian Người đi vắng. Về những chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, về công việc của Đảng và của đồng chí Trần Phú trong thời gian tới.

Thời gian sau đó, Nguyễn Ái Quốc theo ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản đi công tác ở một số nước Xiêm, Mã Lai, Xingapo... và đã có sự chỉ đạo để phát triển phong trào cách mạng ở những nước này.

Đảng tuyên truyền để thức tỉnh quần chúng tham gia cách mạng. Phong trào trong nước phát triển mạnh, đặc biệt là phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Người ca ngợi tinh thần cách mạng của các đảng viên và nhân dân Nghệ Tĩnh. Song Người

phê phán những lệch lạc, sai lầm của phong trào, nhất là công tác vận động nông dân, công tác tuyên truyền còn giới hạn trong diện hẹp, chưa kết hợp đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, còn mang tính “khởi nghĩa địa phương”, tự phát, cục bộ... Người chỉ rõ phải tăng cường sự lãnh đạo, tăng cường lực lượng của Đảng khắp cả ba miền Trung, Nam, Bắc. Chú ý phát triển các tổ chức thanh niên, phụ nữ, nông hội, công hội đỏ, cứu tế đỏ, mặt trận phản đế v.v...

Người đóng góp về phương pháp tổ chức lãnh đạo, phương pháp công tác của xứ ủy, phải chú ý chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ thị của Quốc tế Cộng sản. Đặc biệt trong việc đổi tên Đảng, Người yêu cầu: “Tất cả mọi đảng viên và tất cả các chi bộ thảo luận chỉ thị của Quốc tế thứ Ba và nghị quyết của Trung ương, rồi phải ra nghị quyết về những chỉ thị nói trên. Những nghị quyết ấy phải đệ trình Trung ương. Trung ương sẽ chuyển lên Quốc tế thứ Ba, làm như thế mới có thể nâng cao được trình độ đảng viên. Tất cả các chỉ thị và nghị quyết mới được thi hành thì tư tưởng và hành động của đảng viên mới thống nhất.

7. BỊ BẮT VÀO TÙ, NHỜ LUẬT SU LÔĐÔBAI CỨU GIÚP THOÁT NẠN

Tình hình cách mạng trong nước đứng trước sự bất bố khủng bố gắt gao của kẻ thù. Nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng như Trần Phú, Nguyễn Lương Bằng, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Thị Minh Khai... bị bắt. Trước diễn biến nguy kịch đó Nguyễn Ái Quốc đã báo cáo về văn phòng Ban Phương Đông, yêu cầu chuyển Người về công tác ở Thượng Hải nhưng vẫn chưa được sự trả lời, Người tiếp tục đề nghị gấp: “Hãy chuyển tôi về Thượng Hải”, “Hãy mua hồi phiếu của công ty xe lửa tốc hành Mỹ đề tên T.V Wong và gửi bưu điện đến cho tôi”. Tuy biết rất nguy hiểm về nơi ở nhưng Người chưa chuyển được khi chưa có ý kiến của Quốc tế Cộng sản.

Tại Xingapo mật thám quốc tế nhờ sự giúp đỡ của mật thám Pháp, mật thám Anh bắt được phái viên của Quốc tế Cộng sản tên là Séc Lơrăng, người vừa gặp Nguyễn Ái Quốc tại Hồng Kông. Khi khám xét trong người của Séc Lơrăng có tài liệu ghi địa chỉ của cuộc gặp trên, mật thám Anh hí hửng báo ngay với mật thám Pháp ở Đông Dương để được số tiền

thường lớn, vì chúng tin rằng người ở địa chỉ trên là nhân vật quan trọng trong phong trào chống Pháp ở Đông Dương và vì Hồng Kông là đất thuộc địa Anh, cho nên Pháp phải thuê mật thám Anh thực hiện vây bắt. Nhận được tin báo, chính quyền Đông Dương liền gửi công văn khẩn cấp tới chính quyền Hồng Kông yêu cầu thực thi vây ráp ngôi nhà có địa chỉ trên. Nếu xác định người ở trong ngôi nhà này chính xác là Nguyễn Ái Quốc, bắt được và trục xuất về Đông Dương thì mật thám Anh ở Hồng Kông sẽ nhận được một số tiền rất lớn. Tòa án Vinh tỉnh Nghệ An, tháng 10 năm 1929 đã kết án tử hình vắng mặt Nguyễn Ái Quốc, chỉ chờ bắt được là chúng nhanh chóng thực thi bản án.

Ngôi nhà 186 Tam Lung, thuộc Cửu Long, Hương Cảng, sau khi thống nhất các tổ chức tiền thân của Đảng, được Nguyễn Ái Quốc chọn làm trụ sở liên lạc. Những người cộng sự tin cậy thường lui tới có Hồ Tùng Mậu, Minh Khai... trao đổi công tác, nhận chỉ thị, tài liệu. Ngôi nhà khá thuận tiện cho việc hoạt động bí mật. Từ tầng hai có thể nhìn rõ từ xa, khi gặp biến có thể bí mật xuống cầu thang để ra cổng hậu, ở gác hai sáng sủa Tổng

Văn Sơ (tức Nguyễn Ái Quốc) sau khi rửa mặt xong là phơi khăn ngay ngắn để báo hiệu với các đồng chí là tình hình tốt có thể vào được, nếu ám hiệu không có khăn hoặc khăn bị lệch là có biến, không được đến gần. Ngày 6 tháng 6 năm 1931, khi trời còn sớm, Tổng Văn Sơ chưa kịp phơi khăn làm ám hiệu thì mật thám ập tới. Trong nhà lúc đó chỉ có hai người. Chúng xích tay cả hai và lục soát không thiếu một thứ gì ở trong nhà. Sau đó chúng dẫn cả hai đến Sở Mật thám Hồng Kông. Một thời gian dài sau đó chúng chẳng bấy định bắt thêm những người có mối liên hệ hoạt động tại đây. Nhưng ám hiệu an toàn đã không còn nữa, nên chúng không bắt được ai.

Khi bắt được Người ở ngôi nhà phố Tam Lung, mật thám Hồng Kông điện báo cho mật thám Đông Dương biết tin: “Đã bắt được một người mang tên là Tổng Văn Sơ - chắc là Nguyễn Ái Quốc”. Bọn Pháp ở Đông Dương mừng rỡ vội vàng báo gấp về Bộ Thuộc địa Pháp ở Paris “... phần khởi báo tin ngài Bộ trưởng biết rằng Nguyễn Ái Quốc đã bị bắt ở Hồng Kông ngày 6 tháng 6 tại địa chỉ ghi trên giấy tờ tịch thu tại Xingapo trên người Lofrăng. Việc bắt này thực hiện được là nhờ có sự phối hợp giữa

Giám đốc Sở Mật thám Đông Dương với cảnh sát Anh tại Hồng Kông và Xingapo cùng với Sở Cảnh sát tại tô giới Pháp ở Thượng Hải...". Theo luật định quyền thả Nguyễn Ái Quốc là do tòa án Anh quyết định vì Người bị bắt ở trên đất thuộc địa của Anh. Do đó chính quyền Đông Dương và Bộ Thuộc địa Pháp rất lo sợ tòa án Anh tha bổng Nguyễn Ái Quốc. Chúng đánh giá vai trò Nguyễn Ái Quốc cực kỳ quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương. Bằng mọi giá chúng ra sức can thiệp, mua chuộc để cảnh sát, tòa án Anh trục xuất Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương hoặc lưu đầy ở một thuộc địa xa xôi nào đó của Anh để sau này Pháp có bắt được lãnh tụ cộng sản ở Ấn Độ (thuộc địa của Anh và một số nước) ở thuộc địa của Pháp thì sẽ trao đổi cho nhau. Việc trao đổi, mặc cả đã được bí mật tiến hành, nhưng phải chờ kết quả phán xét của tòa án. Cuộc chạy đua cứu Nguyễn Ái Quốc và trục xuất Nguyễn Ái Quốc bắt đầu diễn ra gay go phức tạp. Ai là người đứng ra bào chữa cho Nguyễn Ái Quốc? Và lấy tiền ở đâu để thuê luật sư bào chữa? Quốc tế Cộng sản và những cộng sự của Nguyễn Ái Quốc không có đủ điều kiện để đứng ra giải quyết việc

này được. Hoàn toàn phụ thuộc ở tài trí của Nguyễn Ái Quốc và sự phối hợp giúp đỡ phần nào ở bên ngoài mới hy vọng thoát khỏi nanh vuốt tử thần.

Rất may là sáng hôm bị giải tới nhà giam, bắt gặp Hồ Tùng Mậu trong nhà tù bước ra Nguyễn Ái Quốc kịp làm ám hiệu. Sau đó Hồ Tùng Mậu đến gặp Lôđôbai - một luật gia dân chủ tiến bộ người Anh, ông là Chủ tịch Hội Luật gia Hồng Kông, để nhờ giúp đỡ.

Tin Nguyễn Ái Quốc dưới cái tên mới là Tống Văn Sơ bị bắt được truyền nhanh chóng đi khắp nơi trên thế giới. Báo chí đưa tin ca ngợi người chiến sĩ cách mạng đấu tranh không mệt mỏi cho quyền lợi những người cần lao. Báo L'Humanite của Đảng Cộng sản Pháp viết: "Bọn đế quốc đã liên kết với nhau. Người Anh bắt giữ nhà cách mạng An Nam Nguyễn Ái Quốc" và lên tiếng phản đối việc bắt bớ này, đòi thả nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc, gây nên một làn sóng đấu tranh và áp lực chính trị lớn trên trường quốc tế. Còn bọn đế quốc xem đây như là một thắng lợi lớn. "Việc bắt giữ Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc sẽ ngăn chặn được phong trào An Nam". Rõ ràng việc bắt giữ Nguyễn Ái

Quốc đã làm xôn xao dư luận thế giới. Điều này mật thám Pháp và Anh không hề mong muốn một tý nào. Chúng muốn cuộc bắt lén này được giữ kín, tự giải quyết với nhau. Để sau này coi như sự việc “đã rồi”. Nhưng sự việc bị “bại lộ” chúng bèn tính kế khác.

Khi nghe Hồ Tùng Mậu trình bày về việc “nhà hoạt động chính trị lỗi lạc Tống Văn Sơ đã bị đế quốc Pháp tử hình vắng mặt, nay bị nhà cầm quyền Anh bắt để trao cho Pháp” và đề nghị ông can thiệp giúp đỡ, hôm sau luật sư Lôđobai đến Sở Cảnh sát tìm cách gặp bằng được Tống Văn Sơ, mặc dầu lúc đầu Sở Cảnh sát không cho gặp. Những câu hỏi cần thiết, quan trọng của vụ án được luật sư nêu ra và Tống Văn Sơ trả lời rõ ràng bằng tiếng Anh như: “ngôi nhà 186 Tam Lung do một người tên là Vương nhượng lại cho Tống Văn Sơ thuê, khi bị bắt trong nhà không có tài liệu gì cả ngoài một số củi khô đã có sẵn, khi bắt cảnh sát không đọc lệnh bắt...”. Tống Văn Sơ tỏ ra rất mừng khi được tiếp xúc với luật sư và rất cảm ơn sự quan tâm nhiệt tình của luật sư tới hoàn cảnh khó khăn của mình. Thoáng vẻ hơi buồn anh thật thà thừa với luật sư là mình

không có tiền để nhờ luật sư cãi hộ. Luật sư chân tình nói: “Tôi nhận cãi hộ, giúp anh vì danh dự chứ không phải vì tiền. Chỉ mong anh giúp tôi cung cấp những điều mà tôi có thể dựa vào đó để bênh vực cho anh...” và hai người cùng nhau bàn bạc những vấn đề liên quan đến vụ án. Hình ảnh người thanh niên An Nam tuy gầy, da hơi xanh vì trải những tháng năm gian nan vất vả nhưng toát lên một vẻ thông minh, đầy dũng khí, nghị lực và có sức cảm hóa mãnh liệt. Anh nói tiếng Anh chuẩn và chứa đựng tâm hiểu biết sâu rộng, thái độ chân thực không tỏ ra quy lụy, cứng rắn, cương nghị nhưng nhã nhặn, dễ gần, dễ mến... tuy gặp lần đầu nhưng để lại trong ông những ấn tượng tốt đẹp. Về đến nhà việc đầu tiên là bàn bạc với người phụ tá luật sư J.C Jenkin, ông đem câu chuyện tiếp xúc với người bạn phương Đông kể lại cho vợ nghe. Bà được nghe chồng kể lại, mặc dầu chưa được gặp người đó, bà Lôđơbai mua quà, thuốc men trực tiếp vào nhà tù Víchtoría để thăm Tống Văn Sơ. Việc thăm người mới bị bắt thường rất khó khăn, nhưng nhờ uy tín của ông luật sư Lôđơbai mà cai ngục không làm khó dễ cho bà. Qua tiếp xúc lần đầu với Tống Văn Sơ bà ngạc nhiên và cảm phục

trước phong thái, đức độ giàu tính cảm hóa của chàng thanh niên An Nam này. Hôm sau và hôm sau nữa bà vẫn tiếp tục vào thăm nói chuyện với con người đáng khâm phục này. Cũng do có điều kiện quen biết nhiều phu nhân của những nhân vật nổi tiếng, bà kể về trường hợp của Tống Văn Sơ cho các quý nhân nghe và không hết lời ca ngợi nhân cách con người có. Thế là lần sau vào thăm Tống Văn Sơ không chỉ có một mình bà luật sư mà còn có phu nhân Phó Thống đốc Hồng Kông, bà Tômat Xao Thuộc... Được gặp những người nổi tiếng, phu nhân của những nhân vật chính trị quan trọng, Nguyễn Ái Quốc tận dụng mọi khả năng có được kể về quê hương Việt Nam, nơi thiên nhiên đất nước tươi đẹp, giàu có, nhân dân yêu lao động, yêu hòa bình, nhưng suốt hàng nghìn năm lịch sử hết kẻ thù này đến kẻ thù khác muốn bắt dân tộc này phải làm nô lệ. Bằng lối kể chuyện có hình ảnh, gợi cảm, dễ hiểu, gây ấn tượng toát lên từ tâm can, tâm huyết, nguyện vọng sâu xa của người kể đã cuốn hút, cảm hóa tấm lòng vị tha của các quý phu nhân. Họ đã dành sự khâm phục và quý mến thể hiện ở mỗi lần đến thăm đều có hoa quý hiếm tặng Tống Văn Sơ. Hơn nữa họ thuyết phục các quý

phu quân bằng mọi cách can thiệp với người có chức trách trả tự do và bảo vệ tính mạng người vô tội Tống Văn Sơ. Những tên được giao nhiệm vụ “bảo vệ an toàn” cho tù nhân Tống Văn Sơ rất ngạc nhiên khi được chứng kiến một người phương Đông bình thường mà được sự quan tâm đặc biệt của các yếu nhân. Điều đó càng làm cho chúng kính nể hơn người mà chúng đang nắm tính mạng trong tay. Thời gian Tống Văn Sơ bị giam giữ cũng là thời gian của cuộc chạy đua nước rút giữa những người ủng hộ và những kẻ cố tình ám hại Tống Văn Sơ để nhận số tiền thưởng. Một bên là luật sư Lôđơbai và các cộng sự tìm cách chứng minh sự sai trái của vụ bắt bố sai pháp luật, của chính quyền và cảnh sát Hồng Kông. Khi quyền lực ở trong tay, con người ta thường có những hành động vượt qua pháp luật, mà chỉ thấy lợi ích cá nhân là cao hơn cả, họ cố đạt bằng mọi sự sai trái để chứng minh sức mạnh của mình. Chính tham vọng và quyền lực đã dẫn họ đến những sai lầm trước ánh sáng công lý. Theo luật định khi bắt người phải có lệnh bắt. Ngày 6 tháng 6 bắt Tống Văn Sơ nhưng mãi tới ngày 11 tháng 6 mới có lệnh bắt, như vậy cảnh sát đã mắc hai sai lầm: bắt người

không có lệnh và lệnh bắt người khi người đó ở trong tù. Theo luật Anh, 14 ngày sau khi bắt phải tiến hành xét xử, nếu không phải trả tự do cho người bị bắt. Chính quyền Hồng Kông đã không làm đúng như vậy. Đến ngày 25 tháng 6 vẫn chưa xét xử mà lại ký lệnh giam tiếp. Mãi đến ngày 12 tháng 8 chúng đã ký lệnh trục xuất khi chưa được tòa án xét xử phán quyết. Đặc biệt chúng đã phạm sai lầm nghiêm trọng, bắt Tống Văn Sơ khi không đủ chứng cứ rằng người bị bắt vi phạm đến nền an ninh của chính quyền sở tại, đáng phải tha bổng lại khép vào tội bị trục xuất... Những yếu điểm đó một khi được luật sư danh tiếng Lôđơbai vạch trần thì trở thành nỗi lo lắng đối với chính quyền Hồng Kông. Trong quá trình diễn biến vụ án, Tống Văn Sơ với trí tuệ thông minh, và khả năng am hiểu sâu pháp luật Anh quốc đã góp phần thuận lợi để đoàn luật sư bào chữa cho mình. Trong quá trình khảo cung Tống Văn Sơ nêu lên những cứ liệu hợp pháp nhằm bác bỏ lại những lời buộc tội vô căn cứ như: không làm gì ảnh hưởng đến nền an ninh trật tự cho Hồng Kông, không mang bí danh là Nguyễn Ái Quốc, thuê ở tại ngôi nhà 186 Tam Lung, chủ nhà là người buôn bán chứ không phải người hoạt động cách mạng.

Đặc biệt khi chúng đưa ảnh Nguyễn Ái Quốc lúc ở Pari để so sánh nhận dạng, Tống Văn Sơ mưu trí, bình tĩnh trả lời chúng là người trong ảnh giống tôi nhưng chưa bao giờ tôi đội chiếc mũ mà người trong ảnh có. Chúng cài bẫy cho một tên mật thám người Việt đến giả vờ làm quen trò chuyện để nhằm tìm ra kẻ hở hòng quy kết Tống Văn Sơ là người Việt Nam, và chính là Nguyễn Ái Quốc. Nhưng cả quá trình quen biết, Tống Văn Sơ chỉ nói tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Quảng Đông... đúng như trong bản khai lý lịch tiểu sử mà cảnh sát nắm được khi lấy cung. Do đó chúng buộc phải đem Tống Văn Sơ ra xét xử khi không có lấy một chứng cứ buộc tội hợp pháp.

Dưới sức ép dư luận và can thiệp của những người có trách nhiệm, cuối cùng phiên tòa xét xử Tống Văn Sơ phải tiến hành một cách công khai. Phiên tòa phải tiến hành xét xử tới 9 phiên. Ngày 1 tháng 8 phiên thứ nhất đến ngày 19 tháng 9 phiên thứ 9. Tới dự phiên tòa ngoài Chánh án, Phó chánh án, công tố viên, luật sư bào chữa... còn có đại diện của báo chí, thông tấn tới dự. Vì đây là một vụ án đặc biệt cho nên dư luận hết sức chú ý mặc

dầu tòa án sắp xếp phiên tòa đầu tiên vào ngày thứ Bảy, là ngày mọi người ít quan tâm tới chính trị, là ngày nghỉ ngơi cuối tuần, và mặc dầu tới dự phiên tòa đều có sự khống chế vì lý do “giới nghiêm sợ Tổng Văn Sơ bỏ trốn”. Chỉ những tờ báo tiếng Anh mới được mời dự... Nhưng với những nguồn tin trong giới thạo tin ở Hồng Kông được biết phiên tòa sẽ có những tình tiết khá hấp dẫn, hơn nữa lại được ông Jenkin người trợ thủ đắc lực của luật sư Lôđobai nhận bào chữa, cho nên nhiều người tìm mọi cách để được đến dự phiên tòa. Do đó sau lời buộc tội vô căn cứ của viên Chánh án: “Tổng Văn Sơ là Nguyễn Ái Quốc, là tay sai của Liên Xô, phái viên Đệ Tam Quốc tế đến Hồng Kông định phá hoại chính quyền. Vì lẽ đó sẽ bị trục xuất ra khỏi Hồng Kông...”, luật sư Jenkin liền đứng lên tuyên bố đồng ý:

- Trước hết tòa án đã làm sai pháp luật. Theo luật của nước Anh, bị cáo đứng trước tòa không bị xích tay, nhưng Tổng Văn Sơ như mọi người thấy đây đang bị xích tay trước mặt tòa án. Mọi người ô lêm “sai, sai quá chừng...” Và tòa án nhận ra cái sai thứ nhất. Jenkin tiếp tục tố cáo: “Chính quyền bắt Tổng Văn Sơ khi không

có lệnh bắt, không có chứng cứ là làm sai pháp luật". Tòa nhận việc đó có sai nhưng sau đó đã có lệnh bắt bổ sung. Ông Jenkin tiếp: "Lệnh bắt người là bắt người tự do, nhưng lệnh bắt Tống Văn Sơ trong khi Tống Văn Sơ đang ở trong tù" đó là lệnh bắt thứ hai bị sai pháp luật... Tòa đành chấp nhận là sai tiếp, mọi người ồ lên và vỗ tay tán thưởng. Luật sư Jenken tiếp tục tấn công:

- Điều sai nghiêm trọng của chính quyền là đã giam không đúng luật đối với Tống Văn Sơ. Luật quy định chỉ được bắt người trong 14 ngày nếu không luận được tội thì phải trả tự do. Đến nay đã bắt Tống Văn Sơ quá hạn trên một tháng...

Tiếng ủng hộ từ những người dự phiên tòa lại vang lên, và tòa phải thừa nhận điều đó là sai pháp luật. Như để dồn ép phiên tòa nghiêng về ủng hộ Tống Văn Sơ và lên án hành động phi pháp của chính quyền, luật sư Jenkin kết luận và bổ sung thêm một số tình tiết sai trái nữa của chính quyền. Việc bắt Tống Văn Sơ là sai pháp luật, giam giữ tù nhân không đúng luật, lại không cho tiếp xúc với thẩm phán. Chính quyền khi bắt lại phạm thêm một

tội danh là vu cáo bị can tích trữ sách phản loạn. Bởi khi khám xét những sách báo đó không mang nội dung phản loạn... Bị dồn ép quá nhiều, tòa án bèn rung chuông tuyên bố nghỉ, còn bên ngoài báo chí lập tức đưa tin chi tiết về vụ án ly kỳ này.

Diễn biến phiên tòa thứ hai cũng khá lý thú. Khi tòa công bố lời khai của bị cáo, Quan tòa vừa dứt lời, luật sư Jenkin liền lên tiếng đọc tờ khiếu nại của bị can. Bị can phủ nhận nhiều điểm, nhưng trong bản đánh máy lại ghi là bị can đã nhận. Theo luật tờ cung chỉ có 7 điểm in sẵn, nhưng tòa lại đưa ra bản đánh máy. Tôi đề nghị được xem bản chính! Chánh án lúng túng vì không có bản chính. Luật sư nói tiếp: “Không rõ vì sao tòa lại đưa ra văn bản mà tòa không biết đó là bản chính hay bản giả. Điều đó hoàn toàn sai pháp luật”. Tòa đành nhận lỗi và rung chuông tuyên bố tạm nghỉ.

Những phiên tòa tiếp theo, càng xử tòa án càng lâm vào thế lúng túng, trước những lời bào chữa, những tiếng nói lên án kết tội bộ máy thực thi pháp luật của Hồng Kông mắc nhiều sai lầm, làm trái

pháp luật trong việc bắt giam Tống Văn Sơ và bản kết tội trục xuất Tống Văn Sơ là hoàn toàn sai luật. Luật sư Jenkin khẳng định những luận tội của tòa án là không đủ căn cứ và sai pháp luật: “Không có chứng cứ buộc tội Tống Văn Sơ là tay sai của Liên Xô. Không có chứng cứ là Tống Văn Sơ muốn phá hoại Hồng Kông. Cộng sản hại quốc gia không phải là phạm tội xét theo luật pháp nước Anh”.

Như sự bàn bạc trước đó giữa Anh và Pháp, sẽ bố trí trục xuất Tống Văn Sơ vào ngày 18 tháng 8, vì ngày đó có chiếc tàu Angiê sẽ đón Tống Văn Sơ về Đông Dương, nơi lệnh án tử hình đang chờ sẵn. Do đó phiên họp ngày 17 tháng 8 tòa cố xử để luận tội trục xuất Tống Văn Sơ theo kế hoạch. Nhưng phiên họp ngày 17 cũng không thay đổi được tình thế. Bí quá, nếu tha bổng thì cũng không ổn, mà trục xuất lại càng không được, vì sự việc ai ai cũng đã rõ như ban ngày. Cuối cùng tìm ra được giải pháp trung gian. Tòa tuyên bố không trục xuất Tống Văn Sơ lên tàu Angiê để đi về Đông Dương mà giao cho tàu “Tuớng Métdanhgiê” để rời Hồng Kông vào ngày 1 tháng 9. Luật sư Jenkin lên tiếng phản đối: “Nếu việc xét xử không

hoàn thành, thì dù kết quả thế nào chẳng nữa Tống Văn Sơ cũng không thi hành trước ngày 1 tháng 9, hay một ngày nào đó". Tòa án bị bất ngờ trước lời yêu cầu của luật sư. Tòa án xôn xao, người đồng ý, kẻ thì không, do đó tòa họp tiếp phiên họp bất thường vào buổi chiều để giải quyết gấp công việc. Vào buổi chiều, tòa thông báo lệnh trục xuất trước khi tàu "Tuống Métđanhgiê" rời bến. Tòa án đã không làm đúng theo ý nguyện của chính quyền Hồng Kông, buộc phải thất hứa với phía Pháp là trục xuất Tống Văn Sơ theo lịch trình đã tính trước. Nhưng quyền lực nắm trong tay chúng lại bày ra mưu mô chước quỷ khác. Phiên họp tiếp theo ngày 20 tháng 8, Chương lý tuyên bố là Thống đốc Hồng Kông đã ban hành lệnh trục xuất Tống Văn Sơ lần thứ hai vào ngày 15 tháng 8. Luật sư Jenkin đứng lên phản bác lại: "Thế theo luật định, khi lệnh thứ nhất chưa thi hành, thì lệnh thứ hai ban hành là phi pháp. Lệnh thứ nhất ký ngày 12 tháng 8 và tòa vẫn tiến hành phiên tiếp theo ngày 17 tháng 8, thì vô lý lại có lệnh ký ngày 15 tháng 8. Vừa sai luật lại vừa giả dối. Vì ngày 15 tháng 8 là ngày thứ Bảy. Ngày này Hội đồng hành chính Hồng

Kông không hợp. Nếu cần thiết đề nghị tòa cho gọi nhân chứng cuộc họp gồm Thống đốc và các thành viên. “Đây là yêu cầu cần thiết để chứng minh một vấn đề gì liên quan vụ án, tòa án triệu tập bất kỳ ai thì người đó phải có mặt, ý kiến trên làm tòa án hết sức lúng túng. Vì nếu phải gọi Thống đốc và các quan khách đến để làm chứng một việc không có thì bẽ mặt quá. Bí quá tòa tuyên bố tạm nghỉ. Trong thời gian nghỉ ngơi tòa mời luật sư Jenkin đến để thương lượng. Luật sư tạm thời rút lui ý kiến đòi nhân chứng là Thống đốc Hồng Kông và các quan khách nhưng kiên quyết đòi tha bổng Tống Văn Sơ. Tòa vẫn khẳng khẳng đưa tiếp những lý lẽ khác như Tống Văn Sơ là cộng sản, là Nguyễn Ái Quốc bị tòa án Đông Dương kết án tử hình, là phái viên Quốc tế Cộng sản... Luật sư Jenkin lập luận: theo luật pháp nước Anh, tòa án không được trục xuất ngoại kiều về tội danh chính trị, nếu người đó không vi phạm pháp luật. Tống Văn Sơ không vi phạm điều gì về trật tự an ninh ở Hồng Kông. Vì vậy không thể trục xuất Tống Văn Sơ. Phiên tòa tiếp theo, luật sư Jenkin lên án việc làm tờ khai giả bằng bản đánh máy. Đặc biệt đi sâu từng chi

tiết. Luật sư đọc bản tự khai của Tống Văn Sơ có ghi quê ở Quảng Đông (Trung Quốc) chứ không phải ở Đông Dương. Là người có chủ trương chống thực dân Pháp, chứ không phải “tay sai” của Đế Tam Quốc tế. Tống Văn Sơ tố cáo bị chính quyền ép cung và dọa sẽ trục xuất, mặc dầu sai luật. Tống Văn Sơ yêu cầu tòa án xem xét lại bản án vì mình là người Quảng Đông nên yêu cầu trả về Quảng Đông. Cuối cùng phiên tòa ngày 12 tháng 9 Chánh án buộc phải thừa nhận những điều sai trái như việc bắt Tống Văn Sơ là trái phép, giam giữ cũng trái phép, việc hỏi cung không đúng với thủ tục pháp luật quy định, chính quyền còn làm giả giấy tờ. Tòa tuyên bố giải quyết cuối cùng ở phiên tòa 19 tháng 9.

Phiên tòa cuối cùng diễn ra trong không khí căng thẳng quyết liệt. Luật sư Jenkin một mực đòi trả tự do cho Tống Văn Sơ vì những lý do mà chính quyền làm trái pháp luật. Ông cực lực tố cáo chính quyền là vô nhân đạo, là bỉ ổi, độc ác... và ông đòi nếu tòa không giải quyết dứt điểm ông sẽ chống án lên Cơ mật viện Hoàng gia Anh tại Luân Đôn do nhà vua Anh chủ tọa quyết định, còn tòa án thì một mực theo chỉ đạo là không trả tự do

cho Tống Văn Sơ, tòa không lấy lý do nào để trục xuất Tống Văn Sơ. Tuy chưa thắng lợi hoàn toàn, nhưng bước đầu đã có kết quả. Hy vọng thời gian và pháp lý sẽ cứu Tống Văn Sơ ra khỏi tù dưới sự ủng hộ của luật sư danh tiếng Lôđơbai và cộng sự đặc lực - luật sư Jenkin. Cuộc đấu trí căng thẳng, tuy đạt kết quả cơ bản bước đầu nhưng Tống Văn Sơ vẫn phải ngồi tù và chuẩn bị tinh thần cho cuộc đấu trí tiếp theo gay go hơn, phức tạp hơn.

Việc lập hồ sơ chống án lên Viện Cơ mật Hoàng gia Anh phải trải qua những điều kiện bắt buộc như trong 14 ngày phải có đơn chống án, trong 90 ngày phải có đủ bộ hồ sơ gửi Viện Cơ mật và phải nộp 500 đôla tiền án phí. Những điều kiện đó luật sư Lôđơbai đủ khả năng lo liệu, vì ông có nhiều bạn bè quen thân làm nghề luật ở Luân Đôn. Công việc được giao cho hai luật sư là Đ.N. Prit và S.Crip cũng là hai người thân quen của luật sư Lôđơbai do đó có sự hậu thuẫn mạnh mẽ. Mặc dầu luật sư S.Crip nhận việc bênh vực cho chính quyền Hồng Kông nhưng hai ông Đ.N Prit và S.Crip đã thống nhất quan điểm đứng về phía pháp luật, đứng về người bị hại là Tống Văn Sơ. Kế hoạch đã

được bàn tính trước, do vậy hôm họp Viện Cơ mật Hoàng gia hai ông đã trình bày các tình tiết vụ án và nêu ý kiến chung quan điểm của hai người yêu cầu trong việc giải quyết vụ án là: trả tự do cho Tống Văn Sơ, người được thả có quyền lựa chọn nơi mình đến, miễn là ra khỏi Hồng Kông và bằng phương tiện tự chọn. Yêu cầu chính đáng đó được Viện Cơ mật đồng ý ngay và nhanh chóng thông báo cho chính quyền Hồng Kông được biết. Trong thời gian chờ đợi thụ lý vụ án tại Luân Đôn, để bảo vệ an toàn tính mạng cho Tống Văn Sơ, luật sư Lôđơbai phải đứng ra dàn xếp để Tống Văn Sơ vào viện điều trị, phục hồi sức khỏe, tránh mọi bất trắc có thể xảy ra. Khi thông báo trả tự do, Tống Văn Sơ lên tàu đi Xinggapo, nhưng chính quyền Xinggapo không chấp nhận việc Tống Văn Sơ đến đất nước mình nên bắt buộc Tống Văn Sơ phải trở lại Hồng Kông. Khi trở lại Hồng Kông, Tống Văn Sơ bị cảnh sát bắt với lý do vào Hồng Kông không có giấy phép và lại bị đưa vào nhà giam một lần nữa.

Việc bị bắt lại làm Tống Văn Sơ rất lo lắng, lần này có thể khó tránh khỏi nguy hiểm đến tính mạng vì mật vụ Anh và Pháp đang tìm cách hãm hại anh. Rất may

là lần này lại vào đúng nhà tù cũ. Lần trước bị giam, Tống Văn Sơ đã có dịp cảm hóa một người gác ngục, gặp lại, Tống Văn Sơ nhờ người gác ngục báo tin mình lại bị bắt một lần nữa cho luật sư Lôđơbai. Luật sư đến gặp ông Thống đốc Hồng Kông và được sự can thiệp của Thống đốc, luật sư Lôđơbai được phép toàn quyền lo việc Tống Văn Sơ rời khỏi Hồng Kông. Để bảo đảm an toàn cho Tống Văn Sơ luật sư đã bố trí anh vào ở nhờ một trường dòng tu viện nơi mà cảnh sát không có quyền khám xét. Ông bà Lôđơbai thay phiên nhau vào thăm và tiếp tế cơm nước. Nhưng không thể trú ngụ lâu ở đây được, ông bà bàn tính sẽ đưa Tống Văn Sơ an toàn rời Hồng Kông. Vào giờ nhiều người qua lại tu viện, Tống Văn Sơ trong bộ tà xám của giáo sư tu viện định đặc bước ra. Phía ngoài đã có xe và luật sư Lôđơbai chờ sẵn. Cho xe chạy vòng vèo để cắt đuôi mật thám. Sau khi thấy đã an toàn, luật sư đưa Tống Văn Sơ về nhà mình. Luật sư giới thiệu với người trong nhà, ông Tống là một đại trí thức Trung Quốc, bạn của luật sư đến thăm ông mấy hôm. Lưu lại trong nhà ông bà luật sư một thời gian ngắn, nhưng tình cảm giữa Nguyễn Ái Quốc với những thành

viên trong gia đình trở nên thân thiết, quý mến hơn. Đặc biệt cô con gái Patrika của ông bà xem anh như người nhà, quấn quýt lạ thường. Để bảo đảm tuyệt đối an toàn cho chuyến rời Hồng Kông ông bà luật sư bàn với bà Phó Thống Đốc, người bạn gần gũi với bà luật sư. Bà Xao Thuốc ủng hộ ngay và trực tiếp đến gặp ông Thống đốc Pil nhờ giúp đỡ, ông Thống đốc Hồng Kông, ngoài thì ký lệnh bắt giam Nguyễn Ái Quốc và ký lệnh trục xuất theo ý nguyện của một số quan chức, nhưng trong lòng rất khâm phục anh, hơn nữa có được sự hậu thuẫn, nhiệt tình ủng hộ của những người bạn, những người danh giá có uy tín lớn như luật sư Lôđơbai, hai bà phu nhân, đặc biệt là bà Phó Thống đốc Xao Thuốc, ông liền nhận lời giúp đỡ. Vào một ngày cuối tháng 1 năm 1933, Tống Văn Sơ lưu luyến từ biệt gia đình Lôđơbai, bịn rịn tạm biệt cháu nhỏ Patrika yêu quý, tạm biệt những người bạn Anh tốt bụng đã làm hết khả năng để cứu một con người, một lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Họ đã chứng minh cho một chân lý luôn đúng: Con người đã đấu tranh cho dân tộc mình được giải phóng phải là con người được tự do để tranh đấu. Trước khi

chia tay, luật sư Lôđơbai còn phái người tin cậy của ông cùng đi làm nhiệm vụ hộ tống khách quý về nơi an toàn. Để chuyển đi an toàn tuyệt đối và không bị cảnh sát quấy nhiễu, ông Thông đốc đã bố trí sẵn một chiếc canô riêng chở Thông đốc, có đội cận vệ bông súng nghiêm chỉnh đứng chào trước lúc rời bến cảng. Từ một tù nhân được liệt vào loại “nguy hiểm” trở thành vị khách đặc biệt của Thông đốc Hồng Kông. Đây là chiến thắng vẻ vang của những tấm lòng, của cuộc đấu tranh cho lẽ phải, và trí tuệ đức độ nhân cách, của nhà cách mạng vĩ đại Nguyễn Ái Quốc.

Bọn đế quốc Pháp rất tức tối khi được tin Nguyễn Ái Quốc mất tích. Để đánh lạc hướng của chúng, ông Lôđơbai đã cho báo chí phao tin Nguyễn Ái Quốc bị lao và bị chết trong nhà tù.

Đến Hạ Môn, Nguyễn Ái Quốc đóng vai một nhà trí thức thượng lưu nhàn rỗi, nghỉ ngơi dạo chơi trong rừng, viết bài cho các báo địa phương bằng tiếng Anh dưới những bút danh khác nhau, nhưng trong tâm trí luôn nghĩ sớm được trở về với đồng chí, về vị trí chiến đấu của mình.

Tháng 7 năm 1933, vụ án Tống Văn Sơ tạm lắng xuống. Người quyết định tạm rời Hạ Môn lên Thượng Hải tìm cách bắt liên lạc với tổ chức. Đọc báo được tin có một đoàn đại biểu châu Âu sang các nước Viễn Đông tuyên truyền chống chiến tranh. Trong đoàn có đồng chí Pôn Vayăng Cutuyarie bạn cũ của Người từ hồi ở Pháp. Cơ hội gặp bạn đã đến. Nguyễn Ái Quốc ăn mặc thật sang, thuê một xe hơi thật sang, đi đến nhà bà Tống Khánh Linh trao bức thư rồi đi ngay. Thư đó nhờ bà Tống chuyển đến cho P.Vayăng Cutuyarie. Hôm sau hai người đã gặp nhau. Nguyễn Ái Quốc kể cho Pôn Vayăng tình cảnh bị bắt và được cứu thoát. Nối được liên lạc với tổ chức, cuối xuân 1934, Nguyễn Ái Quốc lên chiếc tàu buôn Liên xô. Một ngày sau tàu cập bến Vladivostốc và Nguyễn Ái Quốc trở về với đại gia đình Quốc tế Cộng sản. Thoát khỏi nanh vuốt kẻ thù, Nguyễn Ái Quốc được chào đón nồng nhiệt. Sau bao xa cách kỷ niệm vui buồn, Nguyễn Ái Quốc sung sướng muốn lao vào công việc ngay. Nhưng các đồng chí bạn bè đề nghị Người đi điều dưỡng một thời gian ở Xôtri.

Năm 1934 để nâng cao thêm trình độ học vấn, Nguyễn Ái Quốc vào học trường

Quốc tế Lenin, là trường bồi dưỡng cán bộ lý luận dành riêng cho các Đảng anh em, với bí danh: Lin. Chương trình học có các môn lý luận cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin, các vấn đề cách mạng vô sản, vấn đề dân tộc thuộc địa, công tác xây dựng Đảng, công tác mặt trận, kinh nghiệm hoạt động bí mật... Cách học: tự nghiên cứu là chính, giảng viên giải đáp bổ sung sau đó học viên đi khảo sát.

Những lần đi thực tế và qua kinh nghiệm cuộc đời kết hợp nhiều lý luận đã được học, Nguyễn Ái Quốc như đã sắp sẵn trong suy nghĩ của mình về dự định cho tương lai của đất nước.

Những lúc rỗi Nguyễn Ái Quốc thường đến thăm nơi ở và học tập của những người Việt Nam ở Mátxcơva. Người gặp và giảng giải nhiều điều hay lẽ phải có trong sách và có cả trong đời, nhấn nhủ mọi người đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, trong đời sống hàng ngày, luôn luôn rèn luyện tư tưởng đạo đức, tác phong của người cách mạng. Mỗi lần viết thư về trong nước, Người luôn căn dặn phải không ngừng học tập lý luận cách mạng. Người chỉ rõ các Đảng Cộng sản trong khu vực Đông Nam Á thường mắc nhiều sai lầm,

khuyết điểm là do tình trạng lý luận chính trị thấp kém gây nên. Từ đó Người yêu cầu Ban Phương Đông giúp đỡ, đề nghị cho in những cuốn sách nhưng từ ngữ, cách viết đơn giản dễ hiểu. Các loại sách lý luận cần được dịch ra tiếng mẹ đẻ để tuyên truyền trong nước.

Giữa năm 1935 diễn ra Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc tích cực tham gia chuẩn bị Đại hội như góp ý kiến nhận định về tình hình Viễn Đông và Đông Nam Á. Đảng Cộng sản Đông Dương đã cử một đoàn đại biểu tham gia Đại hội. Đồng chí Lê Hồng Phong làm trưởng đoàn. Đoàn còn có đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nọn. Người đã giúp đoàn chuẩn bị kỹ các báo cáo và tham luận trình bày trước Đại hội. Với tư cách là đại diện của Đảng Cộng sản Đông Dương đồng thời là đại diện Quốc tế Cộng sản do Đại hội lần thứ V họp ở Macao (tháng 3 năm 1935) ủy nhiệm và với tư cách là cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, với tên gọi Lin, là đại biểu tư vấn.

Từ ngày thoát khỏi nhà tù Hồng Kông trở lại đất nước Liên Xô đến lúc lên đường

về nước (10-1938) - một thời gian khá dài hoạt động của Nguyễn Ái Quốc chúng ta chưa được biết một cách đầy đủ, chính xác. Có lúc Nguyễn Ái Quốc đã than phiền, về tình cảnh của mình chỉ còn đóng vai trò “một thùng thư” liên lạc giữa phong trào trong nước và Quốc tế Cộng sản. Chúng ta càng hiểu hơn tình cảnh của Người qua một bức thư Người viết gửi đồng chí ở Quốc tế Cộng sản (thư đề ngày 6 - 6 - 1938):

Đồng chí thân mến!

Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ bảy việc tôi bị bắt giữ ở Hồng Kông. Đó cũng là ngày mở đầu năm thứ tám tình trạng không hoạt động của tôi. Nhân dịp này tôi viết thư gửi đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này.

Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó. Hoặc là giữ tôi ở lại đây. Hãy giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị với đồng chí là đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng...

(Bản chụp bức thư lưu tại
Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh)

Khát khao cháy bỏng của người cách mạng là hoạt động. Nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc đã tập trung học tập, bổ sung những kiến thức lý luận cách mạng. Thời kỳ quan trọng để Người có điều kiện “xem xét chủ nghĩa Mác và cơ sở lịch sử của nó”, “củng cố nó bằng Dân tộc học phương Đông”. Nhờ đó mà Nguyễn Ái Quốc nhận ra được tình trạng thiếu lý luận cách mạng của đại đa số cán bộ đảng viên của các Đảng Cộng sản như Đông Dương, Trung Quốc, Thái Lan, Indônêxia... và những sai lầm, bế tắc của họ do “trình độ lý luận và chính trị rất thấp gây nên” (*Thư 16-1-1935 gửi Ban Phương Đông*).